

BIỂU ĐIỀU CHỈNH GIẢM KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2016 - 2020 (ĐỢT 8)

Biểu số 01

NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH QUẬN

(Kèm theo Nghị quyết số 31/NQ - HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND quận Bắc Từ Liêm)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Tên danh mục dự án	Tổng số dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Năng lực thiết kế	Quyết định phê duyệt CTĐT hoặc dự án, BCKTKT		Tổng mức đầu tư (dự kiến hoặc đã phê duyệt)		Giai đoạn 2016 - 2020					Chủ đầu tư	Ghi chú	
						Số Quyết định	Ngày, tháng năm	Tổng số	Trong đó: GPMB	Tổng số	Trong đó chia ra các năm						
											Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019			Năm 2020
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	Tổng cộng (Điều chỉnh)	1						49.060		-10.017	-20.370	-31.447	0	20.370	21.430		
*	Theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 4/10/2019 của HĐND quận Bắc Từ Liêm									51.817	20.370	31.447	0	0	0		
*	Điều chỉnh									41.800	0	0	0	20.370	21.430		
1	Xây dựng môi trường mầm non Tây Từ B (tổ dân phố Thượng, tổ dân phố Trung)	1	Phường Tây Từ													Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng Quận	
*	Theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 4/10/2019 của HĐND quận Bắc Từ Liêm			2014-2017		Số 7131/QĐ-UBND	30/10/2013	49.060		51.817	20.370	31.447					
*	Điều chỉnh			2014-2020		Số 1502/QĐ-UBND	01/4/2019	49.060		41.800				20.370	21.430		

DANH MỤC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG TĂNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2016 -2020

NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH QUẬN (Đợt 8)

(Kèm theo Nghị quyết số 31/NQ - HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND quận Bắc Từ Liêm)

Đơn vị: triệu đồng

Đơn vị: triệu đồng.

TT	Tên danh mục dự án	Tổng số dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Năng lực thiết kế	Quyết định phê duyệt CTĐT hoặc dự án, BCKTKT		Tổng mức đầu tư (dự kiến hoặc đã phê duyệt)		Giai đoạn 2016 - 2020						Chủ đầu tư	Ghi chú
						Số Quyết định	Ngày, tháng năm	Tổng số	Trong đó: GPMB	Tổng số	Trong đó chia ra các năm						
											Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	Tổng cộng (điều chỉnh)	2						114.717		21.000	0	0	-2.000	20.000	3.000		
*	Theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 4/10/2019 của HĐND quận Bắc Từ Liêm									62.000	0	0	2.000	30.000	30.000		
*	Điều chỉnh									83.000	0	0	0	50.000	33.000		
1	Xây dựng trường THCS Thượng Cát (giai đoạn II)	1	Phường Thượng Cát													Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng Quận	
*	Theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 28/6/2018 của HĐND quận Bắc Từ Liêm			2019-2021		6017/QĐ-UBND	29/4/2019	110.887		60.000				30.000	30.000		
*	Điều chỉnh			2019-2021		6017/QĐ-UBND	29/4/2019	110.887		80.000				50.000	30.000		Theo tiến độ thực hiện dự án.
2	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố Thượng Cát 4, phường Thượng Cát	1	Phường Thượng Cát													UBND phường Thượng Cát	
*	Theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 4/10/2019 của HĐND quận Bắc Từ Liêm			2015-2018		SỐ 3397/QĐ-UBND	31/8/2015	2.035		2.000			2.000				
*	Điều chỉnh			2019-2021		5554/QĐ-UBND	8/10/2019	3.830		3.000					3.000		Do phê duyệt lại chủ trương đầu tư.

BIỂU BỔ SUNG DANH MỤC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2016 -2020 (đợt 8)

Biểu số: 03

NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH QUẬN

(Kèm theo Nghị quyết số 31/NQ - HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND quận Bắc Từ Liêm)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Tên danh mục dự án	Tổng số dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Năng lực thiết kế	Quyết định phê duyệt CTĐT hoặc dự án, BCKTKT		Tổng mức đầu tư (dự kiến hoặc đã phê duyệt)		Giai đoạn 2016 - 2020						Chủ đầu tư	Ghi chú
						Số Quyết định	Ngày, tháng năm	Tổng số	Trong đó: GPMB	Tổng số	Trong đó chia ra các năm						
											Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
I	Tổng số dự án bổ sung	1						13.349	0	3.000	0	0	0	0	3.000		
1	Tu bổ, tôn tạo Đình Viên, phường Cổ Nhuế 2	1	Phường Cổ Nhuế 2	2020-2022		5731/QĐ-UBND	16/10/2019	13.349		3.000					3.000	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng Quận	

[Signature]

**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH QUẬN
CHIA THEO NGÀNH, LĨNH VỰC**

(Kèm theo Nghị quyết số 31/NQ - HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND quận Bắc Từ Liêm)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Tên danh mục dự án	Cấp dự án				Tổng mức đầu tư (dự kiến)	Giai đoạn 2016-2020						Ghi chú
		Tổng số	B	C+	C		Tổng số	Trong đó: chia ra các năm					
								Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	
1	2	3	4	5	6	7	9	10	11	12	13	14	15
	TỔNG CỘNG (A + B + C + D)	437				10.244.334	5.994.598	1.078.622	1.570.553	693.097	1.282.533	1.369.795	
A	Chương trình đầu tư công	1				158.707	158.707	0	39.677	39.677	39.677	39.677	
B	Dự án đầu tư công	434				10.045.634	5.514.657	1.013.649	1.453.592	609.540	1.179.346	1.258.530	
b1	Dự án chuyển tiếp	101				2.287.285	736.297	453.246	241.251	0	20.370	21.430	
I	Lĩnh vực Hạ tầng kỹ thuật đô thị	26				1.297.572	340.626	246.659	93.967	0	0	0	
1	Công trình HTKT Giao thông	19				1.160.859	317.843	239.146	78.697				
2	Công trình HTKT Nghĩa trang	4				115.328	21.030	5.760	15.270				
3	Công trình HTKT khác	3				21.385	1.753	1.753					
	Công trình HTKT Cấp, thoát nước												
II	Lĩnh vực Hạ tầng xã hội	75				989.713	395.671	206.587	147.284	0	20.370	21.430	
1	Công trình HTXH Giáo dục	16				471.180	182.782	75.815	65.167		20.370	21.430	
2	Công trình HTXH Văn hóa - TDTT	28				216.605	133.651	76.319	57.332				
3	Công trình HTXH Văn hóa di tích lịch sử	6				84.932	17.255	11.125	6.130				
4	Công trình HTXH Thương mại-Dịch vụ-Du lịch	2				39.814	10.048	9.048	1.000				
5	Công trình HTXH Y tế	4				46.960	10.600	10.600					
6	Công trình HTXH cơ quan hành chính	2				6.713	3.478	1.965	1.513				
7	Công trình HTXH công viên - cây xanh	17				123.509	37.857	21.715	16.142				
8	Công trình dịch vụ đô thị						-						
9	Công trình HTXH khác						-						

TT	Tên danh mục dự án	Cấp dự án				Tổng mức đầu tư (dự kiến)	Giai đoạn 2016-2020						Ghi chú
		Tổng số	B	C+	C		Tổng số	Trong đó: chia ra các năm					
								Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	
1	2	3	4	5	6	7	9	10	11	12	13	14	15
b2	Dự án mới (khởi công từ năm 2016)	333				7.758.349	4.778.360	560.403	1.212.341	609.540	1.158.976	1.237.100	
I	Lĩnh vực Hạ tầng kỹ thuật đô thị	126				3.460.199	1.580.342	230.185	443.531	148.600	449.176	308.850	
1	Công trình HTKT Giao thông	83				2.777.830	1.023.655	63.884	152.521	110.700	400.700	295.850	
2	Công trình HTKT Cấp, thoát nước	4				36.881	36.800	200	20.700	15.900	0	0	
3	Công trình HTKT Nghĩa trang	8				38.324	41.280	14.580	26.700	0	0	0	
4	Công trình HTKT khác	31				607.164	478.607	151.521	243.610	22.000	48.476	13.000	
II	Lĩnh vực Hạ tầng xã hội	207				4.298.150	3.198.018	330.218	768.810	460.940	709.800	928.250	
1	Công trình HTXH Giáo dục	47				2.647.423	2.126.528	131.708	394.520	344.200	526.200	729.900	
2	Công trình HTXH Văn hóa - TDTT	79				402.196	349.470	86.510	135.020	22.090	54.900	50.950	
3	Công trình HTXH Văn hóa di tích lịch sử	35				312.517	290.300	32.550	81.500	66.150	53.600	56.500	
4	Công trình HTXH Thương mại-Dịch vụ-Du lịch	3				17.450	16.720	5.450	10.070	0	600	600	
5	Công trình HTXH Y tế	8				111.961	77.050	6.650	13.800	0	3.500	53.100	
6	Công trình HTXH cơ quan hành chính	18				683.077	225.090	47.800	83.690	21.500	50.400	21.700	
7	Công trình HTXH công viên - cây xanh	16				108.566	99.450	11.550	44.800	7.000	20.600	15.500	
8	Công trình dịch vụ đô thị	0				0	0						
9	Công trình HTXH khác	1				14.960	13.410	8.000	5.410				
C	Hỗ trợ ngành dọc	2				39.993	36.000	20.000	16.000	0	0	0	
D	Trích lập dự phòng (10% Tổng mức vốn đầu tư trong kế hoạch trung hạn)						278.234	44.973	61.284	36.880	63.510	71.588	

DANH MỤC ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2016 -2020
NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH QUẬN
(Kèm theo Nghị quyết số 31/NQ - HDND ngày 16/12/2019 của HDND quận Bắc Từ Liêm)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Tên danh mục dự án	Tổng số dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Năng lực thiết kế	Quyết định phê duyệt CTĐT hoặc dự án, BCKTKT		Tổng mức đầu tư (dự kiến hoặc đã phê duyệt)		Giai đoạn 2016 - 2020						Chủ đầu tư	Ghi chú
						Số Quyết định	Ngày, tháng năm	Tổng số	Trong đó: GPMB	Tổng số	Trong đó chia ra các năm						
											Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	TỔNG CỘNG (A+B+C+D)	437						10.244.334	425.177	5.994.598	1.078.622	1.570.553	693.097	1.282.533	1.369.795		
A	Chương trình đầu tư	1						158.707	0	158.707		39.677	39.677	39.677	39.677		
B	Dự án đầu tư công	434						10.045.634	399.679	5.521.657	1.013.649	1.453.592	616.540	1.179.346	1.258.530		
b.1	Thực hiện dự án	101						2.287.285	92.182	743.297	453.246	241.251	7.000	20.370	21.430		
b.2	Chuẩn bị đầu tư	333						7.758.349	307.498	4.778.360	560.403	1.212.341	609.540	1.158.976	1.237.100		
C	Dự án hỗ trợ	2				358234		39.993	25.498	36.000	20.000	16.000	0	0	0		
D	Dự phòng phí	0				468267	110033	0	0	278.234	44.973	61.284	36.880	63.510	71.588		
A	CHƯƠNG TRÌNH ĐẦU TƯ	1						158.707	0	158.707	0	39.677	39.677	39.677	39.677		
	Chương trình đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo giai đoạn 2016- 2020, tầm nhìn đến 2025	1						158.707		158.707		39.677	39.677	39.677	39.677		
	- Đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cán bộ, giáo viên (Sử dụng kinh phí chỉ Thường xuyên)																
	- Chương trình nhà trường (Sử dụng kinh phí chỉ Thường xuyên)																
	- Xây mới và nâng cấp đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin (dự kiến 25 trường)																
B	DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG	434	0	0	0	0	0	10.045.634	399.679	5.521.657	1.013.649	1.453.592	616.540	1.179.346	1.258.530		
b1	Dự án chuyển tiếp	101						2.287.285	92.182	743.297	453.246	241.251	7.000	20.370	21.430		
1	Công trình HTKT Giao thông	19						1.160.859	5.730	324.843	239.146	78.697	7.000	0	0		
1	Cải tạo, nâng cấp đường và hạ tầng các công trình ven trục đường tổ dân phố 1,2,3 phường Tây Tựu	1	Phường Tây Tựu			Số 2819/QĐ-UBND	21/5/2012	121.000		28.685	5.285	23.400				Ban quản lý dự án quận Bắc Từ Liêm	
2	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng trục đường 1,2,3 phường Tây Tựu	1	Phường Tây Tựu			Số 7678/QĐ-UBND	10/10/2012	7.054		1.612	1.012	600				Ban quản lý dự án quận Bắc Từ Liêm	

TT	Tên danh mục dự án	Tổng số dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Năng lực thiết kế	Quyết định phê duyệt CTĐT hoặc dự án, BCKTKT		Tổng mức đầu tư (dự kiến hoặc đã phê duyệt)		Giai đoạn 2016 - 2020					Chủ đầu tư	Ghi chú	
						Số Quyết định	Ngày, tháng năm	Tổng số	Trong đó: GPMB	Tổng số	Trong đó chia ra các năm						
											Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019			Năm 2020
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
3	Cải tạo, nâng cấp đường, rãnh thoát nước tổ dân phố Nguyễn Xá, phường Minh Khai	1	Phường Minh Khai			Số 1339/QĐ-UBND	7/3/2012	41.537		20.257	3.557	16.700				Ban quản lý dự án quận Bắc Từ Liêm	
4	Cải tạo đường Phú Diễn - Tây Tựu - Liên Mạc	1	Phường Minh Khai - Tây Tựu - Liên Mạc			Số 3362/QĐ-UBND	30/10/2014	48.000		3.180	3.180					Ban quản lý dự án quận Bắc Từ Liêm	
5	Xây dựng đường 32 di khu công nghiệp Nam Thăng Long	1	Phường Minh Khai - Cổ Nhuế 2			Số 18275/QĐ-UBND	27/12/2010	208.000		17.000		17.000				UBND quận Bắc Từ Liêm	
6	Xây dựng tuyến đường từ khu công nghiệp Nam Thăng Long đi đường vành đai 4	1	Phường Thụy Phương - Thượng Cát			2586/QĐ-UBND	7/4/2008	333.276,0		128.000	128.000					UBND quận Bắc Từ Liêm	
7	Cải tạo giao thông vùng hoa Tây Tựu	1	Phường Tây Tựu			Số 18487/QĐ-UBND	28/12/2010	50.146		2.286	886	1.400				Ban quản lý dự án quận Bắc Từ Liêm	
8	Cải tạo, nâng cấp đường, rãnh thoát nước tổ dân phố Đức Diễn đoạn từ cổng làng ra giếng giáp đường Văn Tiến Dũng, phường Phúc Diễn	1	Phường Phúc Diễn			Số 1215/QĐ-UBND	30/10/2014	599		206	106	100				UBND phường Phúc Diễn	
	Xây dựng tuyến đường vào khu công nghiệp Nam Thăng Long (nối từ đường Hoàng Quốc Việt kéo dài)	1	Phường Thụy Phương - Cổ Nhuế 2	2008-2016		589/QĐ-UBND	4/2/2015	206.092		78.000	78.000					UBND quận Bắc Từ Liêm	
9	Đường nghĩa trang Thượng Cát nối đường từ khu công nghiệp Nam Thăng Long ra đường vành đai 4	1	Phường Thượng Cát			Số 1780/QĐ-UBND	14/4/2009	37.668		5.571	5.571					Ban quản lý dự án quận Bắc Từ Liêm	
10	Mở rộng đường Thượng Cát - Liên Mạc - Thụy Phương	1	Phường Thượng Cát - Liên Mạc			Số 11185/QĐ-UBND	16/8/2010	39.876		6.946	1.599	5.347				Ban quản lý dự án quận Bắc Từ Liêm	
11	Xây dựng tuyến mương tiêu từ ao giếng địa bàn 2 tổ dân phố Đông Ba đến khu Trùng Vịt đồng Thượng Cát	1	Phường Thượng Cát			Số 3677/QĐ-UBND	30/10/2007	866		0						UBND phường Thượng Cát	
12	Xây dựng cầu V qua sông Pheo, phường Minh Khai	1	Phường Minh Khai			Số 6643/QĐ-UBND	21/10/2013	20.890		12.500	6.400	6.100				Ban quản lý dự án quận Bắc Từ Liêm	
13	Nâng cấp, cải tạo đường dọc 2 bờ sông Pheo, phường Minh Khai	1	Phường Minh Khai	2017-2019	Chiều dài khoảng 1,4km; B=5,25m; thoát nước, hệ thống biển báo an toàn	Số 5645/QĐ-UBND	18/9/2013	24.000	5.730	14.000		7.000	7.000			Ban quản lý dự án quận Bắc Từ Liêm	
14	Chỉnh trang đường, rãnh thoát nước tuyến đường K4, phường Phú Diễn	1	Phường Phú Diễn			Số 1200/UBND-TCKH	30/10/2014	4.500		636	318	318				UBND phường Phú Diễn	
15	Chỉnh trang đường, rãnh thoát nước tuyến đường Văn Trĩ-Ngoạ Long và tổ dân phố Phúc Lý, phường Minh Khai	1	Phường Minh Khai			Số 1205/UBND-TCKH	30/10/2014	3.226		684	342	342				UBND phường Minh Khai	
16	Chỉnh trang đường, rãnh thoát nước tuyến đường tổ dân phố Hoàng Liên, Hoàng Xá, phường Liên Mạc	1	Phường Liên Mạc			Số 1203/UBND-TCKH	30/10/2014	4.500		4.500	4.500					UBND phường Liên Mạc	
17	Cải tạo đường, rãnh thoát nước tổ dân phố Trù 1, phường Cổ Nhuế 2	1	Phường Cổ Nhuế 2			Số 1214/QĐ-UBND	30/10/2014	2.629		0						UBND phường Cổ Nhuế 2	
18	Cải tạo, nâng cấp đường rãnh thoát nước tổ dân phố Đình Quán, phường Phúc Diễn	1	phường Phúc Diễn			Số 279/QĐ-UBND	10/4/2012	7.000		780	390	390				UBND phường Phúc Diễn	
II	Công trình HTKT Nghĩa trang	4						115.328	1.070	21.038	5.760	15.270	0	0	0		
1	Mở rộng nghĩa trang Tây Tựu	1	Phường Tây Tựu			Số 414/QĐ-UBND	22/2/2008	95.007		15.690	3.090	12.600				Ban quản lý dự án quận Bắc Từ Liêm	
2	Chỉnh trang nghĩa trang nhân dân phường Thụy Phương	1	Phường Thụy Phương			Số 1578/UBND-	25/10/2013	4.500		0						UBND phường Thụy Phương	

TT	Tên danh mục dự án	Tổng số dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Năng lực thiết kế	Quyết định phê duyệt CTĐT hoặc dự án, BCKTKT		Tổng mức đầu tư (dự kiến hoặc đã phê duyệt)		Giai đoạn 2016 - 2020						Chủ đầu tư	Ghi chú
						Số Quyết định	Ngày, tháng năm	Tổng số	Trong đó: GPMB	Tổng số	Trong đó chia ra các năm						
											Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15		17	18
3	Chỉnh trang nghĩa trang nhân dân phường minh khai	1	Phường Minh Khai			Số 1209/QĐ-UBND	30/10/2014	4.830	1.070	2.140	1.070	1.070				UBND phường Minh Khai	
4	Chỉnh trang nghĩa trang nhân dân phường Thương Cát	1	Phường Thương Cát			Số 485/QĐ-UBND	25/10/2012	10.991		3.200	1.600	1.600				UBND phường Thương Cát	
III	Công trình HTKT khác	3						21.385	0	1.753	1.753	0	0	0	0		
1	Xây dựng HTKT để đầu tư QSD đất lô CT1, CT2, CT3 khu TĐC tập trung Kiều Mai, phường Phúc Diễn	1	Phường Phúc Diễn			Số 3819/QĐ-UBND	28/11/2014	13.177		0						Ban quản lý dự án quận Bắc Từ Liêm	
2	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật đầu tư các khu đất xen kẹt nhỏ lẻ phường Xuân Đình	1	Phường Xuân Đình			Số 237/QĐ-UBND	20/11/2014	8.208		1.750	1.750					UBND phường Xuân Đình	
3	Xây dựng HTKT đầu tư QSD đất các khu đất xen kẹt nhỏ lẻ phường Thương Cát	1	Phường Thương Cát			Số 4968/QĐ-UBND				3	3					Ban quản lý dự án quận Bắc Từ Liêm	
IV	Công trình HTXH Giáo dục	16						471.180	38.107	182.782	75.815	65.167	0	20.370	21.430		
1	Mở rộng trường THCS Xuân Đình	1	Phường Xuân Đình			Số 5962/QĐ-UBND	21/8/2012	68.122	3.000	17.321	3.121	14.200				Ban quản lý dự án quận Bắc Từ Liêm	
2	Xây dựng trường mầm non Xuân Đình C, tổ dân phố Tân Xuân, phường Xuân Đình	1	Phường Xuân Đình			Số 3032/QĐ-UBND	11/5/2012	41.359	11.074	1.460	797	663				Ban quản lý dự án quận Bắc Từ Liêm	
3	Mở rộng và cải tạo trường tiểu học Thụy Phương	1	Phường Thụy Phương			7137/QĐ-UBND	30/10/2016	34.916	11.184	20.893	12.527	8.366				Ban quản lý dự án quận Bắc Từ Liêm	
4	Xây dựng trường mầm non Xuân Tảo (tổ dân phố Đồng)	1	Phường Xuân Tảo			Số 3441/QĐ-UBND	22/5/2012	44.780		3.820	620	3.200				Ban quản lý dự án quận Bắc Từ Liêm	
5	Xây dựng bổ sung 12 phòng học, phòng chức năng trường tiểu học Đồng Ngạc A	1	Phường Đồng Ngạc			Số 367/QĐ-UBND	22/3/2012	10.743		1.460	730	730				UBND phường Đồng Ngạc	
6	Xây dựng trường mầm non tổ dân phố Đức Diễn, phường Phúc Diễn	1	Phường Phúc Diễn			Số 8462/QĐ-UBND	16/11/2011	36.177		6.050	3.050	3.000				UBND phường Phúc Diễn	
7	Cải tạo, nâng cấp đường đi công xóm Đồng, tổ dân phố Đức Diễn, phường Phúc Diễn	1	Phường Phúc Diễn			Số 162/QĐ-UBND	13/3/2012	11.173		1.950	950	990				UBND phường Phúc Diễn	
8	Mở rộng, xây dựng bổ sung phòng học, phòng chức năng trường mầm non tổ dân phố Kiều Mai, phường Phúc Diễn	1	Phường Phúc Diễn			Số 7138/QĐ-UBND	30/10/2013	11.774		576	576					UBND phường Phúc Diễn	
9	Cải tạo, nâng cấp trường mầm non tổ dân phố Đình, phường Thụy Phương	1	Phường Thụy Phương			Số 916/QĐ-UBND	31/12/2014	12.242		3.000	2.000	1.000				Ban quản lý dự án quận Bắc Từ Liêm	
10	Cải tạo, xây mới 06 phòng học, phòng chức năng trường mầm non tổ dân phố Phú Diễn	1	Phường Phú Diễn			Số 619/UBND-TCKH	30/12/2014	14.512		5.405	4.452	953				UBND phường Phú Diễn	
11	Nâng cấp, cải tạo trường Mầm non Cổ Nhuế I	1	Phường Cổ Nhuế I			1247/UBND-TCKH	30/8/2013	14.996		14.532	12.942	1.590				UBND phường Cổ Nhuế I	
12	Xây dựng trường THCS Thương Cát	1	Phường Thương Cát			938/QĐ-UBND	30/1/11	55.979		703	703					Ban quản lý dự án quận Bắc Từ Liêm	
13	Mở rộng và cải tạo trường THCS Thụy Phương	1	Phường Thụy Phương			Số 7136/QĐ-UBND	30/10/2013	33.279	3.400	33.163	18.163	15.000				Ban quản lý dự án quận Bắc Từ Liêm	
14	Cải tạo, nâng cấp trường THCS Phú Diễn	1	Phường Phú Diễn			Số 427/QĐ-UBND	10/2/2013	9.166		2.750	1.375	1.375				UBND phường Phú Diễn	

TT	Tên danh mục dự án	Tổng số dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Năng lực thiết kế	Quyết định phê duyệt CTDĐT hoặc dự án, BCKTKT		Tổng mức đầu tư (dự kiến hoặc đã phê duyệt)		Giai đoạn 2016 - 2020					Chủ đầu tư	Ghi chú	
						Số Quyết định	Ngày, tháng năm	Tổng số	Trong đó: GPMB	Tổng số	Trong đó chia ra các năm						
											Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019			Năm 2020
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
15	Xây dựng mới trường mầm non Tây Tựu B (tổ dân phố Thượng, tổ dân phố Trung)		Phường Tây Tựu			Số 7131/QĐ-UBND	30/10/2013	49.060	9.449	41.800				20.370	21.430	Ban quản lý dự án quận Bắc Từ Liêm	
16	Mở rộng, xây dựng bổ sung phòng học và cải tạo trường tiểu học Thương Cát, phường Thương Cát	1	Phường Thương Cát			Số 7132/QĐ-UBND	30/10/2016	22.902		27.869	13.769	14.100				Ban quản lý dự án quận Bắc Từ Liêm	
V	Lĩnh vực Văn hóa - TDTT	28						216.605	46.475	133.651	76.319	57.332	0	0	0		
1	Xây dựng trung tâm văn hóa thể thao phường Xuân Đình	1	Phường Xuân Đình			Số 2436/QĐ-UBND	23/4/2012	25.821		3.411	1.011	2.400				Ban quản lý dự án quận Bắc Từ Liêm	
2	Xây dựng cụm văn hóa thể thao Thụy Phương	1	Phường Thụy Phương			Số 3371/QĐ-UBND	24/6/2013	49.654	23.403	48.960	29.960	19.000				Ban quản lý dự án quận Bắc Từ Liêm	
3	Xây dựng trung tâm văn hóa - thể dục thể thao phường Thương Cát	1	Phường Thương Cát			Số 1424/QĐ-UBND	4/3/2013	53.618	22.772	53.610	25.610	28.000				Ban quản lý dự án quận Bắc Từ Liêm	
4	Xây dựng nhà văn hóa TDP số 15 (tổ dân phố Phú Diễn cũ), phường Phú Diễn	1	Phường Phú Diễn			Số 1188/QĐ-UBND	30/10/2014	2.924		542	271	271				UBND phường Phú Diễn	
5	Xây dựng nhà văn hóa TDP số 16 (tổ dân phố Phú Diễn cũ), phường Phú Diễn	1	Phường Phú Diễn			Số 1189/QĐ-UBND	30/10/2014	5.797		958	479	479				UBND phường Phú Diễn	
6	Xây dựng nhà văn hóa TDP số 1, phường Phú Diễn	1	Phường Phú Diễn			Số 05/QĐ-UBND	8/01/2015	4.588		1.294	647	647				UBND phường Phú Diễn	
7	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố Tân Xuân 5(TDP Trung cũ), phường Xuân Đình	1	Phường Xuân Đình			Số 1193/QĐ-UBND	30/10/2014	2.653		960	960					UBND phường Xuân Đình	
	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố Đình, phường Thụy Phương	1	Phường Thụy Phương	2011-2012		Số 811/QĐ-UBND	29/11/2010	2.691		71		71				UBND phường Thụy Phương	
	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố Tân Phong, phường Thụy Phương	1	Phường Thụy Phương	2011-2012		Số 816/QĐ-UBND	29/11/2010	2.977		72		72				UBND phường Thụy Phương	
	Cải tạo, nâng cấp nhà văn hóa tổ dân phố Cầu 7, phường Thụy Phương	1	Phường Thụy Phương	2011-2012		Số 1048/QĐ-UBND	6/12/2010	1.754		88		88				UBND phường Thụy Phương	
8	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố Trung 6 (TDP Trung cũ), phường Xuân Đình	1	Phường Xuân Đình			Số 1194/QĐ-UBND	30/10/2014	3.397		580	580					UBND phường Xuân Đình	
9	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố Lộc 1 (TDP Lộc cũ), phường Xuân Đình	1	Phường Xuân Đình			Số 1195/QĐ-UBND	30/10/2014	2.982		150	150					UBND phường Xuân Đình	
10	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố Phúc Lý 4 (tổ dân phố Phúc Lý cũ), phường Minh Khai	1	Phường Minh Khai			Số 1196/QĐ-UBND	30/10/2014	3.903		388	194	194				UBND phường Minh Khai	
11	Nâng cấp nhà văn hóa tổ dân phố Đông Ba, phường Thương Cát	1	Phường Thương Cát			Số 184/QĐ-UBND	21/12/2012	3.877		220	120	100				UBND phường Thương Cát	
12	Cải tạo, nâng cấp nhà văn hóa tổ dân phố số 3 phường, Đông Ngạc	1	Phường Đông Ngạc			Số 1640/QĐ-UBND	11/12/2012	9.680		3.840	1.920	1.920				UBND phường Đông Ngạc	
13	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố Nhật Tảo 1, phường Đông Ngạc	1	Phường Đông Ngạc			Số 1199/QĐ-UBND	30/10/2014	3.951		358	358					UBND phường Đông Ngạc	
14	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố Dưng Ngạc 1, phường Đông Ngạc	1	Phường Đông Ngạc			Số 1198/QĐ-UBND	30/10/2014	5.114		500	500					UBND phường Đông Ngạc	

TT	Tên danh mục dự án	Tổng số dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Năng lực thiết kế	Quyết định phê duyệt CTĐT hoặc dự án, BCKTKT		Tổng mức đầu tư (dự kiến hoặc đã phê duyệt)		Giai đoạn 2016 - 2020						Chủ đầu tư	Ghi chú
						Số Quyết định	Ngày, tháng năm	Tổng số	Trong đó: GPMB	Tổng số	Trong đó chia ra các năm						
											Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
15	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố Viên 2, phường Cổ Nhuế 2	1	Phường Cổ Nhuế 2			Số 1183/QĐ-UBND	30/10/2014	2.666		860	360	500				UBND phường Cổ Nhuế 2	
16	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố Trù 5, phường Cổ Nhuế 2	1	Phường Cổ Nhuế 2			Số 1182/QĐ-UBND	30/10/2014	2.274		326	326					UBND phường Cổ Nhuế 2	
17	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố số 4 (tổ dân phố Đình Quán cũ), phường Phúc Diễn	1	Phường Phúc Diễn			Số 1180/QĐ-UBND	30/10/2014	3.583		1.227	1.227					UBND phường Phúc Diễn	
18	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố số 12 (tổ dân phố Đình Quán cũ), phường Phúc Diễn	1	Phường Phúc Diễn			Số 1120/QĐ-UBND	30/10/2014	2.781		154	154					UBND phường Phúc Diễn	
19	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố Hoàng 15 (TDP Hoàng cũ), phường Cổ Nhuế 1	1	Phường Cổ Nhuế 1			Số 1186/UBND-TCKH	30/10/2014	3.300	300	3.500	200	3.300				Ban quản lý dự án quận Bắc Từ Liêm	
20	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố Thượng 1 (tổ dân phố Thượng cũ), phường Tây Tựu	1	Phường Tây Tựu			Số 1197/QĐ-UBND	30/10/2014	2.390		1.960	1.960					UBND phường Tây Tựu	
21	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố Hoàng 13 (TDP Hoàng cũ), phường Cổ Nhuế 1	1	Phường Cổ Nhuế 1			Số 1185/QĐ-UBND	30/10/2014	2.900		2.447	2.447					UBND phường Cổ Nhuế 1	
22	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố Đại Cát 3 (TDP Đại Cát cũ), phường Liên Mạc	1	Phường Liên Mạc			Số 1187/QĐ-UBND	30/10/2014	2.999		2.540	2.540					UBND phường Liên Mạc	
23	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố Hoàng Liên 2 (tổ dân phố Hoàng Liên cũ), phường Liên Mạc	1	Phường Liên Mạc			Số 1215/QĐ-UBND	30/10/2014	2.989		2.700	2.700					UBND phường Liên Mạc	
24	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố số 6 (TDP Đông cũ), phường Xuân Tảo	1	Phường Xuân Tảo			Số 1191/QĐ-UBND	30/10/2014	1.292		1.590	1.300	290				UBND phường Xuân Tảo	
25	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố số 2 (TDP Đông cũ), phường Xuân Tảo	1	Phường Xuân Tảo			Số 1190/QĐ-UBND	30/10/2014	4.050		345	345					UBND phường Xuân Tảo	
V1	Công trình HTXH Di tích lịch sử	6						84932	0	17255	11.125	6130	0	0	0		
1	Trùng tu, tôn tạo đình làng Xuân Tảo, phường Xuân Đình (giai đoạn 2)	1	Phường Xuân Đình			Số 549/QĐ-UBND	31/12/2011	17.607		2.475	975	1.500				UBND phường Xuân Đình	
2	Cải tạo di tích lịch sử pháo đài Xuân Tảo phường Xuân Tảo	1	Phường Xuân Đình			Số 428/QĐ-UBND	25/10/2011	3.817		720	370	350				UBND phường Xuân Đình	
3	Trùng tu, tôn tạo đình, chùa Đại Cát, phường Liên Mạc	1	Phường Liên Mạc			Số 96/QĐ-UBND	5/9/2012	29.178		6.000	3.000	3.000				UBND phường Liên Mạc	
4	Tu bổ, tôn tạo chùa Lưu Bái tổ dân phố Kiều Mai (giai đoạn 1)	1	Phường Phúc Diễn			Số 785/QĐ-UBND	30/12/2012	24.681		2.400	1.200	1.200				UBND phường Phúc Diễn	
5	Trùng tu, tôn tạo Tam bảo chùa Đồng Ba, phường Thượng Cát	1	Phường Thượng Cát			Số 1373/UBND-TCKH	23/9/2013	9.649		1.660	1.580	80				UBND phường Thượng Cát	
6	GPMB khu đất chùa Đồng Ba, phường Thượng Cát	1	Phường Thượng Cát					0		4.000	4.000					UBND phường Thượng Cát	
VII	Công trình HTXH Thương mại - Dịch vụ - Du lịch	2						39.814	0	10.048	9.048	1.000	0	0	0		
1	Xây dựng chợ Phúc Lý, phường Minh Khai	1	Phường Minh Khai			Số 5117/QĐ-UBND	17/11/2008	14.992		2.055	1.055	1.000				Ban quản lý dự án quận Bắc Từ Liêm	
2	Xây dựng chợ tổ dân phố Trù II phường Cổ Nhuế 2	1	Phường Cổ Nhuế 2			8565/QĐ-UBND, 8453/QĐ	20/9/11 15/4/12	24.822		7.993	7.993					Ban quản lý dự án quận Bắc Từ Liêm	
VIII	Công trình HTXH cơ quan hành chính	2						6.713	0	3.478	1.965	1.513	0	0	0		

TT	Tên danh mục dự án	Tổng số dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Năng lực thiết kế	Quyết định phê duyệt CTĐT hoặc dự án, BCKTKT		Tổng mức đầu tư (dự kiến hoặc đã phê duyệt)		Giai đoạn 2016 - 2020						Chủ đầu tư	Ghi chú
						Số Quyết định	Ngày, tháng năm	Tổng số	Trong đó: GPMB	Tổng số	Trong đó chia ra các năm						
											Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1	Cải tạo, xây dựng bổ sung phòng làm việc trụ sở UBND phường Phúc Diễn	1	Phường Phúc Diễn			Số 1397/QĐ-UBND	30/9/2013	3.178		1.637	1.024	613				UBND phường Phúc Diễn	
2	Xây dựng phòng hành chính một cửa, phòng tiếp dân, bổ sung phòng làm việc và cải tạo một số công trình phụ trợ trụ sở UBND phường Thượng Cát	1	Phường Thượng Cát			Số 183/QĐ-UBND	21/12/2012	3.535		1.841	941	900				UBND phường Thượng Cát	
LX	Công trình HTXH Y tế	4						46.960	0	10.600	10.600	0	0	0	0		
1	Xây dựng trạm y tế phường Đức Thắng, quận Bắc Từ Liêm	1	Phường Đức Thắng			Số 3367/QĐ-UBND	30/10/2014	12.174		3.500	3.500					Ban quản lý dự án quận Bắc Từ Liêm	
2	Xây dựng trạm y tế phường Xuân Tảo, quận Bắc Từ Liêm	1	Phường Xuân Tảo			Số 3368/QĐ-UBND	30/10/2014	13.049		4.500	4.500					Ban quản lý dự án quận Bắc Từ Liêm	
3	Xây dựng trạm y tế phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm	1	Phường Cổ Nhuế 1			Số 3369/QĐ-UBND	30/10/2014	11.136		2.600	2.600					Ban quản lý dự án quận Bắc Từ Liêm	
4	Cải tạo, nâng cấp trạm y tế phường Liên Mạc	1	Phường Liên Mạc			Số 234/QĐ-UBND	25/10/2012	10.601		0						UBND phường Liên Mạc	
X	Công trình HTXH công viên - cây xanh	17						123.509	800	37.857	21.715	16.142	0	0	0		
1	Xây dựng điểm vui chơi ngoài trời kết hợp vườn hoa, cây xanh xóm Hạ tổ dân phố Trung	1	Phường Xuân Đình			Số 147/QĐ-UBND	17/4/2012	6.831		4.500	1.000	3.500				UBND phường Xuân Đình	
2	Xây dựng điểm vui chơi, cải tạo cảnh quan môi trường kết hợp với cải tạo nhà văn hóa tổ dân phố 2 phường Tây Tựu	1	Phường Tây Tựu			Số 516/UBND-TCKH	4/4/2011	6.004		1.205	1.205					Ban quản lý dự án quận Bắc Từ Liêm	
3	Xây kè đá và cải tạo môi trường ao Đình tổ dân phố Thương Cát, phường Thương Cát	1	Phường Thương Cát			Số 83/QĐ-UBND	14/3/2012	7.882	800	1.600	800	800				UBND phường Thương Cát	
4	Cải tạo, nâng cấp điểm vui chơi liên tổ dân phố Trù - Viên, phường Cổ Nhuế 2	1	Phường Cổ Nhuế 2			Số 484/QĐ-UBND	16/4/2012	8.357		2.600	1.300	1.300				UBND phường Cổ Nhuế 2	
5	Kè đá, làm rãnh thoát nước xung quanh ao Gó, phường Tây Tựu	1	Phường Tây Tựu			Số 411/QĐ-UBND	12/10/2012	5.508		1.250	450	800				UBND phường Tây Tựu	
6	Kè đá, làm rãnh thoát nước xung quanh ao Gó, phường Tây Tựu	1	Phường Tây Tựu			Số 220/QĐ-UBND	6/3/2012	4.910		150	150					UBND phường Tây Tựu	
7	Xây dựng điểm vui chơi ngoài trời kết hợp với vườn cây xanh tổ dân phố Đức Diễn, phường Phúc Diễn	1	Phường Phúc Diễn			Số 936/QĐ-UBND	28/12/2012	4.563		560	280	280				UBND phường Phúc Diễn	
8	Xây dựng điểm vui chơi ngoài trời kết hợp vườn hoa, cây xanh tổ dân phố Yên Nội, phường Liên Mạc	1	Phường Liên Mạc			Số 329/QĐ-UBND	17/11/2011	14.992		1.780	890	890				UBND phường Liên Mạc	
9	Xây dựng kè, hệ thống thoát nước kết hợp điểm vui chơi ao xóm 3, ao xóm 4A tổ dân phố Đông Ngạc, ao xóm Đình tổ dân phố Nhất Tảo, phường Đông Ngạc	1	Phường Đông Ngạc			Số 231/QĐ-UBND	3/7/2012	5.513		820	410	410				UBND phường Đông Ngạc	
10	Xây dựng kè, hệ thống thoát nước và cải tạo đường giao thông đi đường tiến tổ dân phố số 9, phường Đông Ngạc	1	Phường Đông Ngạc			Số 655/QĐ-UBND	9/5/2012	5.254		1.988	994	994				UBND phường Đông Ngạc	

TT	Tên danh mục dự án	Tổng số dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Năng lực thiết kế	Quyết định phê duyệt CTĐT hoặc dự án, BCKTKT		Tổng mức đầu tư (dự kiến hoặc đã phê duyệt)		Giai đoạn 2016 - 2020						Chủ đầu tư	Ghi chú
						Số Quyết định	Ngày, tháng năm	Tổng số	Trong đó: GPMB	Tổng số	Trong đó chia ra các năm						
											Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
11	Xây dựng cải tạo hồ Đình Quan, phường Phúc Diễn	1	Phường Phúc Diễn			Số 936/QĐ-UBND	28/12/2012	4.563		2.921	1.675	1.246				UBND phường Phúc Diễn	
12	Xây dựng kê ao và cải tạo môi trường ao Góc Me, tổ dân phố Phú Diễn, phường Phú Diễn	1	Phường Phú Diễn			Số 1207/UBND-TCKH	30/10/2014	1.623		238	119	119				UBND phường Phú Diễn	
13	Xây dựng điểm vui chơi của phường Minh Khai	1	Phường Minh Khai			Số 1596/UBND-TCKH	30/10/2014	2.270		600	300	300				UBND phường Minh Khai	
14	Xây dựng điểm vui chơi ngoài trời kết hợp vườn hoa, cây xanh các tổ dân phố, phường Thụy Phương	1	Phường Thụy Phương			Số 297/QĐ-UBND	27/4/2015	9.869		9.845	5.745	4.100				UBND phường Thụy Phương	
15	Xây kê đá và cải tạo môi trường ao Đình, Đức Diên, phường Phúc Diễn	1	Phường Phúc Diễn			Số 1216/UBND-TCKH	30/10/2014	11.207		2.654	1.327	1.327				UBND phường Phúc Diễn	
16	Xây dựng điểm vui chơi ngoài trời kết hợp vườn hoa, cây xanh tổ dân phố Hoàng Liên, phường Liên Mạc	1	Phường Liên Mạc			Số 232/QĐ-UBND	25/10/2012	9.180		3.646	3.570	76				UBND phường Liên Mạc	
17	Xây dựng điểm vui chơi ngoài trời kết hợp vườn hoa, cây xanh các tổ dân phố phường Minh Khai	1	Phường Minh Khai			744/UBND-TCKH	31/5/2012	14.983		1.500	1.500					UBND phường Minh Khai	
b1	Dự án khởi công mới	333						7.758.349	307.498	4.778.360	560.403	1.212.341	609.540	1.158.976	1.237.100		
1	Công trình HTKT Giao thông	83						2.777.830	35.677	1.023.655	63.884	152.521	110.700	400.700	295.350		
1	Cải tạo, nâng cấp đường ngõ các tổ dân phố phường Đồng Ngạc	1	Phường Đồng Ngạc	2016-2017		Số 4770/QĐ-UBND	28/10/2015	4.724		4.250	4.250					UBND phường Đồng Ngạc	
2	Cải tạo, nâng cấp đường, rãnh thoát nước tổ dân phố Cầu 7, phường Thụy Phương	1	Phường Thụy Phương	2016-2017	Chiều dài khoảng 746m, bề rộng theo hiện trạng gồm 3 tuyến	Số 4575/QĐ-UBND	23/10/2015	1.624		1.460	600	860				UBND phường Thụy Phương	
3	Xây dựng tuyến đường ao Dải, phường Đức Thắng (đoạn từ Hoàng Tăng Bi đến đường xóm 6)	1	Phường Đức Thắng	2016-2018		979/QĐ-UBND	31/3/2016	47.329	27.710	47.050	20.050	27.000				Ban Quản lý dự án Quận	
4	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng đường bờ Đông sông Phèo, phường Tây Tựu	1	Phường Tây Tựu	2015-2016	Chiều dài khoảng 935m bề tổng nhựa áp phan; B = 5m; hè đường	Số 4573/QĐ-UBND	23/10/2015	13.074	2.240	11.750	50	11.700				UBND phường Tây Tựu	
5	Xây dựng tuyến đường Phúc Lý, Minh Khai (nối đường từ đường Phúc Diễn - Tây Tựu đến đường vào khu trung tâm hành chính quận Bắc Từ Liêm)	1	Phường Minh Khai - Tây Tựu	2017-2019	Bmặt =7,5m, Bhè=2x3m L=1,2km	Số 1796/QĐ-UBND	31/3/2017	79.118		79.000			40.000	39.000		Ban Quản lý dự án Quận	
6	Chỉnh trang đường, rãnh thoát nước ngõ 126, 155, 205/102, 205/37/16, 205/37/26, 205/109 và ngõ 205/189 đường Xuân Đình	1	Phường Xuân Đình	2018-2019		Số 4852/QĐ-UBND	29/10/2015	2.462		2.400		2.400				UBND phường Xuân Đình	
7	Chỉnh trang đường, rãnh thoát nước ngõ 207/66, 301, 323/128, 355/49 và ngõ 486/10 đường Xuân Đình (Chỉnh trang đường, rãnh thoát nước ngõ 207/66, 301, 355/49 và ngõ 486/10 đường Xuân Đình)	1	Phường Xuân Đình	2017-2018		Số 5009/QĐ-UBND	31/10/2015	2.536		2.550	50	2.500				UBND phường Xuân Đình	
8	Chỉnh trang đường, rãnh thoát nước 12, 217, 307, 337, 337/101, 397 đường Phạm Văn Đồng và đường vào khu tập thể Học viện kỹ thuật quân sự	1	Phường Xuân Đình	2017-2018		Số 4853/QĐ-UBND	29/10/2015	7.820		3.966		3.966				UBND phường Xuân Đình	

TT	Tên danh mục dự án	Tổng số dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Năng lực thiết kế	Quyết định phê duyệt CTĐT hoặc dự án, BCKTKT		Tổng mức đầu tư (dự kiến hoặc đã phê duyệt)		Giai đoạn 2016 - 2020						Chủ đầu tư	Ghi chú
						Số Quyết định	Ngày, tháng năm	Tổng số	Trong đó: GPMB	Tổng số	Trong đó chia ra các năm						
											Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
9	Chỉnh trang đường, rãnh thoát nước cụm 5,6, 10 Tổ dân phố Tân Phong, phường Thụy Phương	1	Phường Thụy Phương	2019-2020	Chiều dài khoảng 700m, rộng trung bình 3-5m, gồm 3 tuyến	Số 4764/QĐ-UBND	27/10/2015	2.368		2.300				1.000	1.300	UBND phường Thụy Phương	
10	Chỉnh trang đường và xây dựng hệ thống thoát nước ngõ 351 từ dốc Bạc tổ dân phố Đình đến dốc Chùa Chèm tổ dân phố Đại Đồng	1	Phường Thụy Phương	2017-2020	Chiều dài khoảng 700m, rộng trung bình 4-5m, cải tạo mặt đường, hệ thống thoát nước	Số 4607/QĐ-UBND	27/10/2015	6.513		6.500		3.000		3.500		UBND phường Thụy Phương	
11	Xây dựng tuyến đường Ao Sen (Giáp trường tiểu học Thụy Phương đi qua ngõ 125, qua Đài tưởng niệm liệt sỹ đến ngõ 123), phường Thụy Phương	1	Phường Thụy Phương	2017-2019	Chiều dài khoảng 180m, mặt đường rộng 13m.	Số 1577/QĐ-UBND	25/4/2016	10.647		10.650	50	5.000	5.600			Ban Quản lý dự án Quận	
12	Cải tạo hệ thống thoát nước cống 8-15 tổ dân phố Thương Cát 4 và Cải tạo chỉnh trang đường, rãnh thoát nước tổ dân phố Thương Cát 1, 4 (2 tuyến) - tổ dân phố Đồng Ba 1, 3 (5 tuyến), phường Thương Cát	1	Phường Thương Cát	2016-2017	- Chỉnh trang đường, rãnh thoát nước gồm 8 tuyến, chiều dài khoảng 1380m	Số 4984/QĐ-UBND	31/10/2015	5.580		4.414	4.414					UBND phường Thương Cát	
13	Xây dựng đường vào trường mầm non Phú Diễn, phường Phú Diễn A	1	Phường Phú Diễn	2019-2020	Chiều dài khoảng 290, bề rộng trung bình B=12m	Số 2196/QĐ-UBND	31/5/2016	14.437		14.400				7.000	7.400	Ban Quản lý dự án Quận	
14	Chỉnh trang đường, rãnh thoát nước ngõ 401, đường Xuân Đình	1	Phường Xuân Đình	2016-2017	Bmặt =7,5m, Bbê=2x3m L=0,35km	4897/QĐ-UBND	30/10/2015	1.255		1.150	1.150					UBND phường Xuân Đình	
15	Xây dựng tuyến đường nối từ đường Đức Diễn (khu thiết chế công phường Phú Diễn)															Ban Quản lý dự án Quận	
16	Xây dựng tuyến đường nối từ đường Tây Thăng Long đến đường sắt (qua khu thiết chế công phường Cổ Nhuế 2), phường Cổ Nhuế 2	1	Phường Cổ Nhuế 2	2016-2017	Bmặt =7,5m, Bbê=2x3m L=0,3km	Số 4740/QĐ-UBND	27/10/2015	14.205	5.727	14.050	50	14.000				UBND phường Cổ Nhuế 2	
17	Xây dựng tuyến đường nối từ đường chung cư 11 tầng - cục quản trị A phường Cổ Nhuế 1 đi đường Phạm Văn Đồng	1	Phường Cổ Nhuế 1	2017-2018	Bmặt =7,5m, Bbê=2x3m L=0,3km	Số 4912/QĐ-UBND	30/10/2015	8.000		8.000	50	7.950				Ban Quản lý dự án Quận	
18	Xây dựng tuyến đường nối từ đường đê 23 đi Yên Nối, Đại Cát phường Liên Mạc	1	Phường Liên Mạc	2016-2017	- Chiều dài khoảng 257m.	Số 4807/QĐ-UBND	29/10/2015	6.400		5.760	5.650	110				UBND phường Liên Mạc	
19	Xây dựng tuyến đường bao quanh Học viện Cảnh sát phường Cổ Nhuế 2		Phường Cổ Nhuế 2							0						UBND phường Cổ Nhuế 2	
19	Chỉnh trang đường, rãnh thoát nước liên tổ dân phố Nhật Tảo 1, Nhật Tảo 3 (Giáp đường An Dương Vương đến Cuối đường phố Nhật Tảo), phường Đồng Ngạc	1	Phường Đồng Ngạc	2017-2018	Chiều dài khoảng 870, bề rộng trung bình B= 5m	Số 4788/QĐ-UBND	28/10/2015	7.737		7.750	50	7.700				UBND phường Đồng Ngạc	
20	Chỉnh trang đường, rãnh thoát nước Ngõ 163, ngõ 121 đường Đồng Ngạc tổ dân phố Đồng Ngạc 4, Ngõ 7/36 tổ dân phố Đồng Ngạc 2, Ngõ 21/34 tổ dân phố Đồng Ngạc 6, Ngõ 46 khu tập thể cái sồi tổ dân phố Đồng Ngạc 7, phường Đồng Ngạc	1	Phường Đồng Ngạc	2019-2020	- Chiều dài khoảng 858, bề rộng trung bình B= 2,5m - Chiều dài khoảng 1,2km, bề rộng B = 2-2,5m	Số 4789/QĐ-UBND	28/10/2015	2.845		2.800				1.500	1.300	UBND phường Đồng Ngạc	
	Chỉnh trang đường, rãnh thoát nước ngõ 4,				Chiều dài khoảng 980, bề rộng trung bình B=												

TT	Tên danh mục dự án	Tổng số dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Năng lực thiết kế	Quyết định phê duyệt CTĐT hoặc dự án, BCKTKT		Tổng mức đầu tư (dự kiến hoặc đã phê duyệt)		Giai đoạn 2016 - 2020						Chủ đầu tư	Ghi chú
						Số Quyết định	Ngày, tháng năm	Tổng số	Trong đó: GPMB	Tổng số	Trong đó chia ra các năm						
											Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
21	ngõ 6 đường Đồng Ngạc TDP Đồng Ngạc 1, ngõ 139 đường Đồng Ngạc TDP Đồng Ngạc 4 và ngõ 94 + 96 đường Tân Xuân TDP Nhật Tân 4, phường Đồng Ngạc	1	Phường Đồng Ngạc	2018-2019	Chiều dài khoảng 582, bề rộng trung bình B=2,6m Chiều dài khoảng 679, bề rộng trung bình B=2,4m	1514/QĐ-UBND	15/4/2016	3.565		3.500			3.500			UBND phường Đồng Ngạc	
22	Cải tạo đường, rãnh thoát nước ngõ 531/21 đường An Dương Vương tổ dân phố Nhật Tân 2, ngõ 35/58 tổ dân phố Đồng Ngạc 2, ngõ 21/18 tổ dân phố Đồng Ngạc 6, ngõ 104/31 tập thể Bê Tông tổ dân phố Đồng Ngạc 8, ngõ tập thể kinh doanh nhà tổ dân phố Đồng Ngạc 7, phường Đồng Ngạc.	1	Phường Đồng Ngạc	2019-2020	Chiều dài khoảng 931, bề rộng trung bình B=2,5m	Số 4790/QĐ-UBND	28/10/2015	5.467		5.400				3.000	2.400	UBND phường Đồng Ngạc	
23	Chỉnh trang đường, rãnh thoát nước đường Cầu Vồng (Nhà ăn Viện Công Nghệ đến chân dốc 2000, tổ dân phố số 2 và tổ dân phố số 8, đầu ngõ 32 phố Viên đến Cuối ngõ); ven Sông Nhuế (cuối Lê Văn Hiến đến sân bóng chuyền tổ dân phố số 4); tổ dân phố số 5, tổ dân phố số 3 nối với đường Lê Văn Hiến, phường Đức Thắng.	1	Phường Đức Thắng	2016-2017	Chiều dài khoảng 675, bề rộng trung bình B=3,75m Chiều dài khoảng 1200, bề rộng trung bình B=3,5m Chiều dài khoảng 610, bề rộng trung bình B=3m	Số 4773/QĐ-UBND	28/10/2015	12.750		11.480	10.500	980				UBND phường Đức Thắng	
24	Chỉnh trang đường, rãnh thoát nước Ngõ 3, Ngõ TT Viện KHLN, ngõ TTHVKTS, TT mô địa chất ngõ 1,2,3; ngõ 3,4 TT Kiến trúc,TDP số 3 phường Đức Thắng	1	Phường Đức Thắng	2017-2018	- Chiều dài khoảng 777, bề rộng trung bình B=3,5m. - Chiều dài L = 170m; Btr = 3m cải tạo đường	Số 4837/QĐ-UBND	29/10/2015	9.771		4.561		4.561				UBND phường Đức Thắng	
25	Chỉnh trang đường, rãnh thoát nước Ngõ 1, 2 TT điện cơ; ngõ 9, 10A, 10B; Ngõ 1 đường Cầu Vồng, phường Đức Thắng	1	Phường Đức Thắng	2016-2019	Chiều dài khoảng 1013, bề rộng trung bình B=3,5m	Số 5010/QĐ-UBND	31/10/2015	850		800			800			UBND phường Đức Thắng	
26	Chỉnh trang đường, rãnh thoát nước các tuyến đường ngõ chưa được duy tu bảo dưỡng trên địa bàn phường 20 tuyến, phường Đức Thắng	1	Phường Đức Thắng	2019-2020	Chiều dài khoảng 1200, bề rộng trung bình B=3m	Số 5373/QĐ-UBND	1/10/2018	5.889		5.800				3.000	2.800	UBND phường Đức Thắng	
27	Chỉnh trang đường, rãnh thoát nước từ Đình Giao tới sân chơi vườn cảnh; ngõ 323 đường Xuân Đình (Từ cầu Góc Đẽ đến Miếu Vũ); ngõ 205/53, ngõ 205/145, ngõ 205/139 đường Xuân Đình (Từ nhà ông Vương đến nhà bà Thủy), phường Xuân Đình.	1	Phường Xuân Đình	2016-2017	Chiều dài khoảng 400, bề rộng trung bình B=3,5m Chiều dài khoảng 400, bề rộng trung bình B=5m Chiều dài khoảng 320, bề rộng trung bình B=3,5m	Số 4893/QĐ-UBND	30/10/2015	3.325		2.500	2.500					UBND phường Xuân Đình	
28	Chỉnh trang đường, rãnh thoát nước ngõ 125 đường Tân Xuân và ngõ 256 đường Xuân Đình; ngõ 205 đường Xuân Đình (Từ Trạm Y Tế đến đường Ngoại giao); Ngõ 205/177 và rãnh thoát nước của Miếu Vũ và ngõ 207/103 đường Xuân Đình, phường Xuân Đình	1	Phường Xuân Đình	2019-2020	Chiều dài khoảng 580, bề rộng trung bình B=4,4m Chiều dài khoảng 200, bề rộng trung bình B=3,5m Chiều dài khoảng 390, bề rộng trung bình B=3,5m	Số 4848/QĐ-UBND	29/10/2015	4.410		4.400				2.000	2.400	UBND phường Xuân Đình	
29	Chỉnh trang đường, rãnh thoát nước ngõ 333, ngõ 333/48, ngõ 355/95, ngõ 207/15, 256/15 và các ngõ nối với đường Xuân Đình; ngõ 207/167 và ngõ 333/60, ngõ 214 và ngõ 301, ngõ 207/7 và ngõ 306 đường Xuân Đình, phường Xuân Đình	1	Phường Xuân Đình	2018-2019	Chiều dài khoảng 1100, bề rộng trung bình B=2,5m Chiều dài khoảng 1050, bề rộng trung bình B=2,7m	Số 4851/QĐ-UBND	29/10/2015	5.036		5.000			5.000			UBND phường Xuân Đình	

TT	Tên danh mục dự án	Tổng số dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Năng lực thiết kế	Quyết định phê duyệt CTĐT hoặc dự án, BCKTKT	Tổng mức đầu tư (dự kiến hoặc đã phê duyệt)		Giai đoạn 2016 - 2020						Chủ đầu tư	Ghi chú	
						Số Quyết định	Ngày, tháng năm	Tổng số	Trong đó: GPMB	Tổng số	Trong đó chia ra các năm						
											Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019			Năm 2020
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
30	Chính trang đường, rãnh thoát nước Ngõ 147 đường Xuân Đình, TDP 1 từ nhà ông. Đồng Ngọc Đồng đến khu đất dự định làm Nhà văn hóa số 1 và Ngõ 126 đường Xuân Đình, TDP 3 Từ nhà ông. Nguyễn Văn Minh đến nhà ông. Nguyễn Xuân Yếm, phường Xuân Tảo	1	Phường Xuân Tảo	2016-2017	Chiều dài khoảng 680, bề rộng trung bình B= 3,65m	Số 4844/QĐ-UBND	29/10/2015	2.759		1.594		1.594				UBND phường Xuân Tảo	
31	Chính trang đường, rãnh thoát nước Ngõ 21, ngõ 29, 33 TDP số 2, ngõ 89 TDP 1 đường Xuân Đình và Ngõ 74 TDP số 3; Ngõ 53 TDP 2 đường Xuân Đình, phường Xuân Tảo	1	Phường Xuân Tảo	2018-2019	Chiều dài khoảng 850, bề rộng trung bình B= 2,5m	Số 4845/QĐ-UBND	29/10/2015	3.055		3.000			3.000			UBND phường Xuân Tảo	
32	Chính trang đường, rãnh thoát nước Ngõ 105 đường Xuân La (tổ dân phố số 6,7,8), phường Xuân Tảo.	1	Phường Xuân Tảo	2018-2020	Chiều dài khoảng 3600m	Số 4839/QĐ-UBND	29/10/2015	11.873		11.800			6.000	5.800		UBND phường Xuân Tảo	
33	Chính trang đường, rãnh thoát nước Ngõ 117 TDP1, Ngõ 133 TDP1 đường Xuân Đình, Ngõ 24 TDP 4, Ngõ 88 TDP3, Ngõ 108 TDP3 đường Xuân Đình	1	Phường Xuân Tảo	2017-2018	Chiều dài khoảng 1250, bề rộng trung bình B= 3m Chiều dài khoảng 780, bề rộng trung bình B= 2,5m	Số 4850/QĐ-UBND	29/10/2015	4.335		4.350	50	4.300				UBND phường Xuân Tảo	
34	Chính trang đường, rãnh thoát nước Ngõ 62 đường Xuân Đình, TDP số 3 (từ nhà ông Nguyễn Kế Hiền đến nhà ông Nguyễn Duy Tiến), phường Xuân Tảo	1	Phường Xuân Tảo	2019-2020	Chiều dài khoảng 280, bề rộng trung bình B= 2,1m Chiều dài khoảng 750, bề rộng trung bình B= 6m	Số 4838/QĐ-UBND	29/10/2015	805		800				800		UBND phường Xuân Tảo	
35	Chính trang đường, rãnh thoát nước Khu tập thể G9, phường Xuân Tảo.	1	Phường Xuân Tảo	2017-2018	Chiều dài khoảng 1000, bề rộng trung bình B= 4,6m	Số 4840/QĐ-UBND	29/10/2015	1.885		1.850	50	1.800				UBND phường Xuân Tảo	
36	Cải tạo, chính trang đường rãnh thoát nước ngõ 42, ngõ 117, ngõ 297, ngõ 359, ngõ 514 - Trần Cung và ngõ 180 - Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuế 1	1	Phường Cổ Nhuế 1	2016-2017	Chiều dài khoảng 659m; bề rộng theo hiện trạng	Số 4894/QĐ-UBND	31/10/2015	4.850		2.700	2.700					UBND phường Cổ Nhuế 1	
	Cải tạo, chính trang đường rãnh thoát nước ngõ 488 - Trần Cung (từ ngách 488/22 đến cuối ngõ và các nhánh) và ngõ 643 - Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1	0	Phường Cổ Nhuế 1	2016-2017	Chiều dài khoảng 1500, bề rộng trung bình B= 2m Chiều dài khoảng 270, bề rộng trung bình B= 3,2m	Số 4392/QĐ-UBND	15/10/2015									UBND phường Cổ Nhuế 1	
37	Cải tạo, chính trang đường rãnh thoát nước ngõ 117, ngõ 195, ngõ 198, ngõ 273, ngõ 297, ngõ 319, ngõ 354, ngõ 546 - Trần Cung, phường Cổ Nhuế 1	1	Phường Cổ Nhuế 1	2019-2020	Chiều dài khoảng 650, bề rộng trung bình B= 4m	Số 5038/QĐ-UBND	31/10/2015	7.200		7.200				4.000	3.200	UBND phường Cổ Nhuế 1	
38	Chính trang đường, rãnh thoát nước ngõ 394 TDP Đồng 1; ngõ 273 TDP Tru 4, phường Cổ Nhuế 2	1	phường Cổ Nhuế 2	2017-2018	Chiều dài khoảng 280, bề rộng trung bình B= 3m Chiều dài khoảng 400, Chiều dài khoảng 200, Chiều dài khoảng 280,	Số 4778/QĐ-UBND	28/10/2015	1.547		1.550	50	1.500				UBND phường Cổ Nhuế 2	
39	Chính trang đường, rãnh thoát nước ngõ 16 đường Cổ Nhuế và ngõ 178 TDP Tru 5 (từ đường Cổ Nhuế đến đường liên TDP), phường Cổ Nhuế 2	1	Phường Cổ Nhuế 2	2019-2020	Chiều dài khoảng 700, bề rộng trung bình B= 2,75m	Số 4595/QĐ-UBND	26/10/2015	1.740		1.700				1.700		UBND phường Cổ Nhuế 2	

TT	Tên danh mục dự án	Tổng số dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Năng lực thiết kế	Quyết định phê duyệt CTĐT hoặc dự án, BCKTKT		Tổng mức đầu tư (dự kiến hoặc đã phê duyệt)		Giai đoạn 2016 - 2020						Chủ đầu tư	Ghi chú
						Số Quyết định	Ngày, tháng năm	Tổng số	Trong đó: GPMB	Tổng số	Trong đó chia ra các năm						
											Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
40	Chỉnh trang đường, rãnh thoát nước Tăng Thiết Giáp (Từ Đường PVD đến Ngõ 43), phường Cổ Nhuế 2	1	Phường Cổ Nhuế 2	2019-2020	Chiều dài khoảng 610, bề rộng trung bình B= 5m	Số 4779/QĐ-UBND	28/10/2015	3.071		3.000				1.000	2.000	UBND phường Cổ Nhuế 2	
41	Chỉnh trang đường, rãnh thoát nước TDP 1,2;14,15,16, phường Phú Diễn	1	Phường Phú Diễn	2016-2017	Chiều dài khoảng 1032 bề rộng trung bình B= 4-	Số 4305/QĐ-UBND	15/10/2015	10.269		5.150	5.150					UBND phường Phú Diễn	
42	Chỉnh trang đường, rãnh thoát nước tổ dân phố 11, 12 phường Phú Diễn	1	Phường Phú Diễn	2019-2020	Chiều dài khoảng 400, bề rộng theo hiện trạng	Số 4986/QĐ-UBND	31/10/2015	1.335		1.300				1.300		UBND phường Phú Diễn	
43	Chỉnh trang đường, rãnh thoát nước tổ dân phố 3;4;5;6;13, phường Phú Diễn	1	Phường Phú Diễn	2019-2020	Chiều dài khoảng 1370, bề rộng theo hiện trạng	Số 4819/QĐ-UBND	29/10/2015	4.700		4.700				1.500	3.200	UBND phường Phú Diễn	
44	Chỉnh trang đường, rãnh thoát nước tổ dân phố 14;15;16;17 ngõ, ngách, phường Phú Diễn	1	Phường Phú Diễn	2019-2020	Chiều dài khoảng 1190, bề rộng trung bình B= 2m	Số 5437/QĐ-UBND	4/10/2018	7.951		7.950				4.000	3.950	UBND phường Phú Diễn	
45	Chỉnh trang đường, rãnh thoát nước tổ dân phố 17, 18 phường Phú Diễn	1	Phường Phú Diễn	2019-2020	- Chiều dài khoảng 1339m; bề rộng theo hiện trạng, gồm 13 tuyến	Số 4985/QĐ-UBND	31/10/2015	6.075		6.000				2.000	4.000	UBND phường Phú Diễn	
46	Xây dựng đường từ Kiều Mai qua nhà văn hóa Kiều Mai đến nút giao thông cầu Xuân Phương đi khu CN Minh Khai, phường Phúc Diễn															Ban Quản lý dự án Quận	
47	Chỉnh trang đường, rãnh thoát nước tổ dân phố Đình Quán, phường Phúc Diễn	1	Phường Phúc Diễn	2019-2020	Chiều dài khoảng 205, bề rộng theo hiện trạng; cải tạo mặt đường, rãnh	Số 4854/QĐ-UBND	27/10/2015	1.100		1.090	390	700				UBND phường Phúc Diễn	
48	Chỉnh trang đường, rãnh thoát nước tổ dân phố Kiều Mai, phường Phúc Diễn	1	Phường Phúc Diễn	2017-2018	Chiều dài khoảng 1434, bề rộng trung bình B= 2,5m; cải tạo mặt đường,	Số 4824/QĐ-UBND	29/10/2015	5.911		5.950	50	5.900				UBND phường Phúc Diễn	
49	Chỉnh trang đường, rãnh thoát nước tổ dân phố Đức Diễn, phường Phúc Diễn	1	Phường Phúc Diễn	2017-2018	Chiều dài khoảng 1116m, bề rộng trung bình B= 3m; cải tạo mặt	Số 4830/QĐ-UBND	31/10/2015	5.024		5.050	50	5.000				UBND phường Phúc Diễn	
50	Chỉnh trang đường, rãnh thoát nước TDP số 9 và TDP số 10 (Từ trạm bơm đến kho gạo), phường Phúc Diễn	1	Phường Phúc Diễn	2017-2018	Chiều dài khoảng 560, bề rộng theo hiện trạng	Số 4825/QĐ-UBND	29/10/2015	1.713		1.750	50	1.700				UBND phường Phúc Diễn	
51	Chỉnh trang đường, rãnh thoát nước Tuyến 1, TDP Tân Nhuệ (Từ Chợ Thụy Phương đến HTX Hải Phong); TDP Hồng Ngự, Đồng Sen, Đình, Đại Đồng, phường Thụy Phương	1	Phường Thụy Phương	2017-2018	- Chiều dài khoảng 740m; gồm 4 tuyến, bề rộng mặt đường B=3-5m.	Số 4763/QĐ-UBND	27/10/2015	2.480		2.450	50	2.400				UBND phường Thụy Phương	
52	Cải tạo đường, rãnh thoát nước tổ dân phố Thượng Cát 1, 2, 3, 4 và tổ dân phố Đồng Ba 1, 2, 3 phường Thượng Cát	1	Phường Thượng Cát	2019-2020	Chiều dài khoảng 42454, bề rộng trung bình theo hiện trạng, gồm 11 tuyến	Số 4718/QĐ-UBND	27/10/2015	12.331		12.000				5.000	7.000	UBND phường Thượng Cát	
53	Cải tạo đường, rãnh thoát nước tổ dân phố Thượng Cát 2, 3, 4 và tổ dân phố Đồng Ba 2, 3 phường Thượng Cát	1	Phường Thượng Cát	2016-2017	- Cải tạo đường, rãnh thoát nước gồm 5 tuyến với chiều dài khoảng 786m.	Số 4983/QĐ-UBND	31/10/2015	2.220		1.500	1.500					UBND phường Thượng Cát	
54	Cải tạo đường, rãnh thoát nước tổ dân phố Thượng Cát 1,2,3, phường Thượng Cát	1	Phường Thượng Cát	2017-2019	Chiều dài khoảng 1814, bề rộng trung bình B= 4,5m	Số 4760/QĐ-UBND	27/10/2015	5.500		5.550	50	5.500				UBND phường Thượng Cát	
	Cải tạo đường, rãnh thoát nước tổ dân phố																

TT	Tên danh mục dự án	Tổng số dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Nội dung thiết kế	Quyết định phê duyệt CTĐT hoặc dự án, BCKTKT		Tổng mức đầu tư (dự kiến hoặc đã phê duyệt)		Giai đoạn 2016 - 2020						Chủ đầu tư	Ghi chú
						Số Quyết định	Ngày, tháng năm	Tổng số	Trong đó: GPMB	Tổng số	Trong đó chia ra các năm						
											Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
55	Thương Cát 1 và Đồng Ba 2, phường Thương Cát (Cải tạo đường, rãnh thoát nước, Thương Cát 2 và Đồng Ba 1, phường Thương Cát)	1	Phường Thương Cát	2019-2020	- Gồm 3 tuyến, chiều dài khoảng 700m	Số 3870/QĐ-UBND	24/10/2018	1.200		1.200				1.200		UBND phường Thương Cát	
56	Cải tạo đường, rãnh thoát nước tuyến đường từ dốc đá đến xóm Đồng tổ dân phố Thương Cát 4 và cải tạo hệ thống thoát nước tuyến đường từ hồ Đồng đến đường 70, phường Thương Cát	1	Phường Thương Cát	2017-2018	- Cải tạo đường, rãnh thoát nước, chiều dài khoảng 454m. - Rãnh thoát nước chiều dài khoảng 95m.	Số 4749/QĐ-UBND	27/10/2015	3.000		3.050	50	3.000				UBND phường Thương Cát	
57	Cải tạo đường, rãnh thoát nước tổ dân phố Thương Cát 2, 3 và tổ dân phố Đồng Ba 1, phường Thương Cát	1	Phường Thương Cát	2019-2020	- Chiều dài khoảng 740m; bề rộng theo hiện trạng, cải tạo đường, rãnh thoát nước	Số 4750/QĐ-UBND	27/10/2015	3.637		3.600				1.500	2.100	UBND phường Thương Cát	
58	Chỉnh trang đường, rãnh thoát nước TDP Thương 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 và TDP Hạ 9, 10, 11, 12, phường Tây Tư	1	Phường Tây Tư	2017-2018	Chiều dài khoảng 582, bề rộng trung bình B= 3,5m Chiều dài khoảng 555, bề rộng trung bình B= 3m Chiều dài khoảng 1065, bề rộng trung bình B= 3m	Số 4802/QĐ-UBND	28/10/2015	3.961		3.950	50	3.900				UBND phường Tây Tư	
59	Chỉnh trang đường, rãnh thoát nước TDP Thương 1, 2, 3, 4, 5 phường Tây Tư.	1	Phường Tây Tư	2016-2017	Chiều dài khoảng 1025, bề rộng trung bình B= 3m	Số 4572/QĐ-UBND	23/10/2015	1.980		1.200	1.200					UBND phường Tây Tư	
60	Chỉnh trang đường, rãnh thoát nước TDP Hạ 9 (3 ngõ, ngách), Hạ 12(4 ngõ, ngách); TDP Hạ 11, 12 (6 ngõ, ngách), TDP Hạ 11, phường Tây Tư	1	Phường Tây Tư	2018-2019	Chiều dài khoảng 890, bề rộng trung bình B= 3m Chiều dài khoảng 985, bề rộng trung bình B= 3m Chiều dài khoảng 910, bề rộng trung bình B= 3m Chiều dài khoảng 760, bề rộng trung bình B= 3m Chiều dài khoảng 200, bề rộng trung bình B= 3m	Số 4804/QĐ-UBND	28/10/2015	5.947		5.900			5.900			UBND phường Tây Tư	
61	Chỉnh trang đường, rãnh thoát nước TDP Phúc Lý 1, 2, 3, 4, phường Minh Khai	1	Phường Minh Khai	2017-2018	Chiều dài khoảng 1850, bề rộng trung bình B= 3m	4431/QĐ-UBND	20/10/2015	5.151		5.050	50	5.000				UBND phường Minh Khai	
62	Chỉnh trang đường, rãnh thoát nước tuyến đường 5 ty - Nhiên Sơn, đường kênh - Thanh Xóa TDP Văn Trì, phường Minh Khai	1	Phường Minh Khai	2016-2017	Chiều dài khoảng 1280, bề rộng trung bình B= 3,5m	Số 4811/QĐ-UBND	29/10/2015	980		880	880					UBND phường Minh Khai	
63	Chỉnh trang đường, rãnh thoát nước tổ dân phố Văn Trì 2 (2 tuyến), Nguyễn Xá 2 (2 tuyến), Ngõa Long 2 (5 tuyến), phường Minh Khai	1	Phường Minh Khai	2017-2018	Chiều dài khoảng 500, bề rộng trung bình B= 3m Chiều dài khoảng 350, Chiều dài khoảng 520,	Số 4795/QĐ-UBND	28/10/2015	5.194		5.050	50	5.000				UBND phường Minh Khai	
64	Chỉnh trang đường, rãnh thoát nước từ nhà ông Sang - Đình Phúc Lý - sông Pheo - Hố trường Phúc Lý - xóm làng - sông Pheo	1	Phường Minh Khai	2016-2017	Chiều dài khoảng 500, bề rộng trung bình B= 2,5m Chiều dài khoảng 400,	Số 4812/QĐ-UBND	29/10/2015	4.420		4.000	2.000	2.000				UBND phường Minh Khai	

TT	Tên danh mục dự án	Tổng số dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Năng lực thiết kế	Quyết định phê duyệt CTĐT hoặc dự án, BCKTKT	Tổng mức đầu tư (dự kiến hoặc đã phê duyệt)		Giai đoạn 2016 - 2020						Chủ đầu tư	Ghi chú	
						Số Quyết định	Ngày, tháng năm	Tổng số	Trong đó: GPMB	Tổng số	Trong đó chia ra các năm						
											Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019			Năm 2020
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
65	Chỉnh trang đường, rãnh thoát nước TDP Văn Trí (đường ông Hùng - Công Uẩn; công cái - cầu kình; công đầu hàng - trạm điện - xường trắng) và TDP Ngọa Long (nhà văn hóa Ngọa Long 2 - trạm bơm Ngọa Long), phường Minh Khai	1	Phường Minh Khai	2019-2020	Chiều dài khoảng 550, bề rộng trung bình B= Chiều dài khoảng 450, bề rộng trung bình B= 3m Chiều dài khoảng 140, bề rộng trung bình B=	Số 4795/QĐ-UBND	28/10/2015	5.607		5.600				2.000	3.600	UBND phường Minh Khai	
66	Cải tạo đường, rãnh thoát nước TDP Yên Nội phường Liên Mạc.	1	Phường Liên Mạc	2018-2019	Chiều dài khoảng 1130, bề rộng trung bình B= 4,5m	Số 4747/QĐ-UBND	27/10/2015	12.000		12.000		6.000		6.000		UBND phường Liên Mạc	
67	Cải tạo đường, rãnh thoát nước TDP Hoàng Liên 1, 2 và Hoàng Xá, phường Liên Mạc	1	Phường Liên Mạc	2018-2019	- Cải tạo đường, rãnh thoát nước chiều dài khoảng 935m; gồm 3	Số 4744/QĐ-UBND	27/10/2015	4.275		4.200		4.200				UBND phường Liên Mạc	
68	Cải tạo đường, rãnh thoát nước TDP Đại Cát 1, 2, 3, phường Liên Mạc.	1	Phường Liên Mạc	2018-2019	- Cải tạo đường, rãnh thoát nước chiều dài khoảng 416m; gồm 1	Số 4752/QĐ-UBND	27/10/2015	2.800		2.850	50		2.800			UBND phường Liên Mạc	
	Cải tạo đường, rãnh thoát nước tuyến đường từ đường 69 Cổ Nhuế đi Cầu Nối, phường Cổ Nhuế 2	1	Phường Cổ Nhuế 2	2018-2019		3817/QĐ-UBND	16/5/2017	7.710		7.300		4.000		3.300		Ban Quản lý dự án Quận	
	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường thoát nước đô thị kết hợp làm đường giao thông theo quy hoạch, phường Đức Thắng	1	phường Đức Thắng	2019-2020		Số 277/TTHĐND	27/11/2017	40.700		40.700				20.000	20.700	Ban Quản lý dự án Quận	
	Cải tạo, chỉnh trang lại hệ bố vỉa khu đầu giá xây dựng nhà ở thấp tầng và khu nhà ở cao tầng thuộc phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm	1	Phường Xuân Đình	2018-2019		6784/QĐ-UBND	26/9/2017	9.476		9.400		5.000		4.400		Ban Quản lý dự án Quận	
	Cải tạo, chỉnh trang lại hệ bố vỉa đảm bảo văn minh đô thị các khu nhà ở phường Cổ Nhuế 1 (ngõ 2, 42, 120, 198, 208 đường Trần Cung)	1	Phường Cổ Nhuế 1	2018-2019		7468/QĐ-UBND	10/10/2017	5.019		5.000		2.500		2.500		Ban Quản lý dự án Quận	
	Cải tạo đường, rãnh thoát nước và kết hợp điểm vui chơi ngoài trời tổ dân phố Đồng Ba 2, 3 phường Thượng Cát	1	Phường Thượng Cát	2018-2019		7951/QĐ-UBND	24/10/2017	2.200		2.200		1.000		1.200		UBND phường Thượng Cát	
	Xây dựng đường Tây Thăng Long (đoạn từ đường Phạm Văn Đồng đến đường Văn Tiến Dũng), thuộc địa bàn quận Bắc Từ Liêm	1	Phường Minh Khai - Cổ Nhuế 2	2019-2020		276/HĐND-KTNS	26/6/2017	1.500.000		50.000				50.000		UBND quận Bắc Từ Liêm	
	Xây dựng HTKT khu liên cơ quan quận Bắc Từ Liêm	1	Phường Minh Khai	2018-2019		115/HĐND-KTNS	5/4/2017	254.757		120.000				60.000	60.000	UBND quận Bắc Từ Liêm	
	Cải tạo, nâng cấp đường ngõ 72 phố Trung Tân tổ dân phố 8, phường Tây Tựu	1	Phường Tây Tựu	2018-2019		Số 5592/QĐ-UBND	24/8/2017	5.200		5.200		3.000		2.200		Ban Quản lý dự án Quận	
	Duy tu, sửa chữa tuyến đường cơ sở 5m, phường Đồng Ngạc	1	Phường Đồng Ngạc	2018-2019		Số 5931/QĐ-UBND	23/8/2017	6.416		6.400		3.000		3.400		Ban Quản lý dự án Quận	
	Xây dựng bãi lưu trữ phương tiện giao thông vi phạm hành chính, phương tiện vi phạm trật tự cho công an quận Bắc Từ Liêm	1	Phường Phú Diễn	2017-2019		7300/QĐ-UBND	06/10/2017	14.982		14.900		7.000		7.900		Ban Quản lý dự án Quận	
	Xây dựng tuyến đường nối từ đường Hoàng Tăng Bi đến phố Viên, quận Bắc Từ Liêm	1	Phường Đức Thắng - Xuân Đình - Cổ Nhuế	2019-2020		255/HĐND-KTNS	24/5/2018	210.985		90.000				45.000	45.000	UBND quận Bắc Từ Liêm	
	Xây dựng đường vào khu trung tâm hành chính quận Bắc Từ Liêm	1	Phường Minh Khai	2019-2020				150.178		150.000				75.000	75.000	Ban Quản lý dự án Quận	
	Cải tạo, chỉnh trang, sửa chữa tuyến đường Phú Diễn - Trại Gà, phường Phú Diễn	1	Phường Phú Diễn	2019-2020		Số 5428/QĐ-UBND	4/10/2018	39.978		39.900				20.000	19.900	Ban Quản lý dự án Quận	
	Chỉnh trang đường, rãnh thoát nước ngõ 1 đường Đức Diễn; ngõ 05, 15 và 86 đường Phú Kiều; ngõ 189 đường Cầu Diễn; ngõ 02 đường Phúc Diễn, phường Phúc Diễn	1	Phường Phúc Diễn	2019-2020		Số 2656/QĐ-UBND	24/5/2019	4.699		4.600				2.000	2.600	UBND phường Phúc Diễn	

TT	Tên danh mục dự án	Tổng số dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Năng lực thiết kế	Quyết định phê duyệt CTBT hoặc dự án, BCKTKT		Tổng mức đầu tư (dự kiến hoặc đã phê duyệt)		Giai đoạn 2016 - 2020						Chủ đầu tư	Ghi chú
						Số Quyết định	Ngày, tháng năm	Tổng số	Trong đó: GPMB	Tổng số	Trong đó chia ra các năm						
											Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	Lắp đặt bổ sung hệ thống chiếu sáng công cộng tại các ngõ xóm trên địa bàn 13 phường và 06 tuyến đường thuộc quận Bắc Từ Liêm	1	quận Bắc Từ Liêm	2019-2021		5482/QĐ-UBND	2/10/2019	39.798		20.000					20.000	UBND quận Bắc Từ Liêm	
69	Cải tạo đường, rãnh thoát nước TDP Hoàng Liên 1, 2, 3 và Hoàng xá, phường Liên Mạc	1	Phường Liên Mạc	2017-2020	- Cải tạo đường, rãnh thoát nước chiều dài khoảng 3886m.	Số 4681/QĐ-UBND	27/10/2015	13.914		13.900		13.900				UBND phường Liên Mạc	
70	Cải tạo đường, rãnh thoát nước TDP Yên Nội 1, 2, 3 và TDP Đại cát 1, 2, 3, phường Liên Mạc	1	Phường Liên Mạc	2019-2020	Chiều dài khoảng 7620, bề rộng trung bình B= 3m	Số 4748/QĐ-UBND	27/10/2015	12.200		12.000				6.000	6.000	UBND phường Liên Mạc	
II	Công trình HTKT Cấp, thoát nước	4						36.881	0	36.800	200	20.700	15.900	0	0		
1	Xây dựng kè, hệ thống thoát nước dân sinh sau trường tiểu học Thương Cát, kết hợp điểm vui chơi ao bà Đỗ Phi, ao Cổng Đền tổ dân phố Thương Cát, phường Thương Cát	1	Phường Thương Cát	2017-2019		Số 1655/QĐ-UBND	29/4/2016	14.200		14.050	50	7.000	7.000			Ban Quản lý dự án (quận)	
2	Xây dựng kè, hệ thống thoát nước, kết hợp điểm vui chơi tổ dân phố Phú Diễn, phường Phú Diễn	1	Phường Phú Diễn	2017-2018		Số 931/QĐ-UBND	28/3/2016	14.931		14.950	50	6.000	8.900			UBND phường Phú Diễn	
3	Xây dựng kè, hệ thống thoát nước, kết hợp điểm vui chơi khu hồ Từ Phấn, tổ dân phố Đại Cát 3, phường Liên Mạc	1	Phường Liên Mạc	2017-2018		Số 2194/QĐ-UBND	31/5/2016	1.250		1.250	50	1.200				UBND phường Liên Mạc	
4	Xây dựng hệ thống thoát nước khu Đồng Thủy, phường Cổ Nhuế 1	1	Phường Cổ Nhuế 1	2016-2017	- Cải tạo, mở rộng đường, hệ thống thoát nước tuyến mương chiều dài khoảng 336m, bề rộng trung bình khoảng	Số 4982/QĐ-UBND	30/10/2015	6.500		6.550	50	6.500				UBND phường Cổ Nhuế 1	
III	Công trình HTKT Nghĩa trang	8						38.324	0	41.280	14.580	26.700	0	0	0		
1	Chính trang nghĩa trang nhân dân phường Phú Diễn	1	Phường Phú Diễn	2016-2017		Số 4981/QĐ-UBND	30/10/2015	9.250		9.500	6.000	3.500				UBND phường Phú Diễn	
2	Chính trang nghĩa trang nhân dân phường Đồng Ngạc	1	Phường Đồng Ngạc	2016-2017		Số 4558/QĐ-UBND	23/10/2015	4.850		4.400	4.400					UBND phường Đồng Ngạc	
3	Chính trang nghĩa trang nhân dân Gò Bai, phường Đức Thắng	1	Phường Đức Thắng	2016-2017		Số 4559/QĐ-UBND	23/10/2015	4.470		4.600	3.200	1.400				UBND phường Đức Thắng	
4	Chính trang nhân dân tổ dân phố Viên, phường Cổ Nhuế 2	1	Phường Cổ Nhuế 2	2016-2017		Số 4556/QĐ-UBND	23/10/2015	980		830	830					UBND phường Cổ Nhuế 2	
5	Chính trang nghĩa trang nhân dân tổ dân phố Đức Diễn, phường Phúc Diễn	1	Phường Phúc Diễn	2016-2017		Số 4830/QĐ-UBND	28/10/2015	5.024		8.100		8.100				UBND phường Phúc Diễn	
6	Chính trang nghĩa trang nhân dân phường Liên Mạc	1	Phường Liên Mạc	2017-2018		Số 4761/QĐ-UBND	27/10/2015	9.500		9.550	50	9.500				UBND phường Liên Mạc	
7	Chính trang nghĩa trang Văn Long, phường Minh Khai	1	Phường Minh Khai	2017-2018		Số 1674/QĐ-UBND	29/4/2016	2.000		2.050	50	2.000				UBND phường Minh Khai	
8	Chính trang nghĩa trang nhân dân phường Xuân Đình	1	Phường Xuân Đình	2017-2018		Số 5014/QĐ-UBND	31/10/2015	2.250		2.250	50	2.200				UBND phường Xuân Đình	
IV	Công trình HTKT khác	31						607.164	93.599	478.607	151.521	243.610	22.000	48.476	13.000		
1	Xây dựng HTKT đầu giá OSD đất các khu đất xen kẹt nhỏ lẻ phường Liên Mạc	1	Phường Liên Mạc			4968/QĐ-UBND	31/10/2015	8.747	1.109	8.000	8.000					Ban quản lý dự án quận Bắc Từ Liêm	

TT	Tên danh mục dự án	Tổng số dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Năng lực thiết kế	Quyết định phê duyệt CTĐT hoặc dự án, BCKTKT		Tổng mức đầu tư (dự kiến hoặc đã phê duyệt)		Giai đoạn 2016 - 2020						Chủ đầu tư	Ghi chú
						Số Quyết định	Ngày, tháng năm	Tổng số	Trong đó: GPMB	Tổng số	Trong đó chia ra các năm						
											Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
2	Xây dựng HTKT đầu giá QSD đất các khu đất xen kẹt nhỏ lẻ phường Tây Tựu															Ban quản lý dự án quận Bắc Từ Liêm	
3	Xây dựng HTKT đầu giá QSD đất các khu đất xen kẹt nhỏ lẻ phường Phúc Diễn	1	Phường Phúc Diễn			Số 4336/QĐ-UBND	27/9/2016	5.562	515	5.050	50	5.000				Ban quản lý dự án quận Bắc Từ Liêm	
4	Xây dựng HTKT đầu giá QSD đất các khu đất xen kẹt nhỏ lẻ phường Thụy Phương	1	Phường Thụy Phương							0						Ban quản lý dự án quận Bắc Từ Liêm	
5	Xây dựng HTKT đầu giá QSD đất các khu đất xen kẹt nhỏ lẻ phường Đồng Ngạc	1	Phường Đồng Ngạc			8263/QĐ-UBND	31/10/2017	2.102		4.000			2.000	2.000		Ban quản lý dự án quận Bắc Từ Liêm	
6	Xây dựng HTKT đầu giá QSD đất các khu đất xen kẹt nhỏ lẻ phường Xuân Đình	1	Phường Xuân Đình			801/UBND-TCKH	19/5/2011	8.202		1.700		1.700				Ban quản lý dự án quận Bắc Từ Liêm	
7	Xây dựng HTKT đầu giá QSD đất các khu đất xen kẹt nhỏ lẻ phường Cổ Nhuế 2															Ban quản lý dự án quận Bắc Từ Liêm	
8	Xây dựng HTKT đầu giá QSD đất các khu đất xen kẹt nhỏ lẻ phường Phú Diễn	1	Phường Phú Diễn							0						Ban quản lý dự án quận Bắc Từ Liêm	
		0								0							
	Xây dựng HTKT để đầu giá quyền sử dụng các khu đất xen kẹt nhỏ lẻ phường Phú Diễn	1	Phường Phú Diễn	2018-2020												Trung tâm phát triển quỹ đất quận	
9	Xây dựng HTKT để đầu giá QSD đất khu 3ha, phường Phú Diễn, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội	1	Phường Phú Diễn			Số 1502/QĐ-UBND	9/4/2018	57.914	9.075	57.000	27.000	30.000				Ban quản lý dự án quận Bắc Từ Liêm	
10	Xây dựng HTKT đầu giá QSD đất các khu đất xen kẹt nhỏ lẻ phường Liên Mạc (giai đoạn 2)															Ban quản lý dự án quận Bắc Từ Liêm	
11	Xây dựng HTKT khu đất dịch vụ tại các ô quy hoạch DV04, DV08 phường Tây Tựu - Liên Mạc - quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội	1	Phường Tây Tựu			Số 5874/QĐ-UBND	30/10/2015	97.000		90.676	44.200	20.000	10.000	16.476		Ban quản lý dự án quận Bắc Từ Liêm	
12	Xây dựng HTKT khu đất dịch vụ tại các ô quy hoạch DV09, DV11 phường Tây Tựu quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội	1	Phường Tây Tựu - Liên Mạc			Số 5881/QĐ-UBND	30/10/2015	189.460		107.700	67.700	20.000	10.000	10.000		Ban quản lý dự án quận Bắc Từ Liêm	
13	Xây dựng HTKT khu đất dịch vụ tại các ô quy hoạch DV01, DV02, DV03, DV05, DV06 phường Tây Tựu, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội	1	Phường Tây Tựu			Số 3058/QĐ-UBND	2/7/2015			50	50					Ban quản lý dự án quận Bắc Từ Liêm	
14	Xây dựng HTKT khu đất dịch vụ tại các ô quy hoạch DV07, DV10, DV12 phường Tây Tựu, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội	1	Phường Tây Tựu			Số 5710/QĐ-TP	23/10/2018			33.000				20.000	13.000	Ban quản lý dự án quận Bắc Từ Liêm	
15	Xây dựng HTXT khu đất đầu giá QSD đất hai bên tuyến đường trục Tây Thăng Long (vị trí ĐG 2), quận Bắc Từ Liêm	1	Phường Tây Tựu							0						Ban quản lý dự án quận Bắc Từ Liêm	
16	Xây dựng HTKT khu đất đầu giá QSD đất hai bên tuyến đường trục Tây Thăng Long (vị trí ĐG 3), quận Bắc Từ Liêm	1	Phường Tây Tựu							0						Ban quản lý dự án quận Bắc Từ Liêm	
17	Xây dựng HTKT khu đất đầu giá QSD đất hai bên tuyến đường trục Tây Thăng Long (vị trí ĐG 4), quận Bắc Từ Liêm	1	Phường Minh Khai							0						Ban quản lý dự án quận Bắc Từ Liêm	

TT	Tên danh mục dự án	Tổng số dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Năng lực thiết kế	Quyết định phê duyệt CTĐT hoặc dự án, BCKTKT		Tổng mức đầu tư (dự kiến hoặc đã phê duyệt)		Giai đoạn 2016 - 2020						Chủ đầu tư	Ghi chú
						Số Quyết định	Ngày, tháng năm	Tổng số	Trong đó: GPMB	Tổng số	Trong đó chia ra các năm						
											Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
18	Xây dựng HTKT khu đất đầu giá QSD đất hai bên tuyến đường trục Tây Thăng Long (vị trí ĐG 5), quận Bắc Từ Liêm	1	Phường Minh Khai							0						Ban quản lý dự án quận Bắc Từ Liêm	
19	Xây dựng HTKT khu đất đầu giá QSD đất hai bên tuyến đường trục Tây Thăng Long (vị trí ĐG 6A), quận Bắc Từ Liêm	1	Phường Tây Tựu			Số 5578/QĐ-UBND	6/10/2016	37.505		37.000		37.000				Ban quản lý dự án quận Bắc Từ Liêm	
20	Xây dựng HTKT khu đất đầu giá QSD đất hai bên tuyến đường trục Tây Thăng Long (vị trí ĐG 6B), quận Bắc Từ Liêm	1	Phường Tây Tựu			Số 3067/QĐ-UBND của Thành phố	13/6/2016	97.915	82.900	97.000		97.000				Ban quản lý dự án quận Bắc Từ Liêm	
21	Xây dựng HTKT khu đất đầu giá QSD đất hai bên tuyến đường trục Tây Thăng Long (vị trí ĐG 7), quận Bắc Từ Liêm	1	Phường Minh Khai							0						Ban quản lý dự án quận Bắc Từ Liêm	
22	Xây dựng HTKT khu đất đầu giá QSD đất hai bên tuyến đường trục Tây Thăng Long (vị trí ĐG 8A), quận Bắc Từ Liêm	1	Phường Minh Khai							0						Ban quản lý dự án quận Bắc Từ Liêm	
23	Xây dựng HTKT khu đất đầu giá QSD đất hai bên tuyến đường trục Tây Thăng Long (vị trí ĐG 8B), quận Bắc Từ Liêm	1	Phường Cổ Nhuế 2							0						Ban quản lý dự án quận Bắc Từ Liêm	
24	Xây dựng HTKT khu đất đầu giá QSD đất hai bên tuyến đường trục Tây Thăng Long (vị trí ĐG 9), quận Bắc Từ Liêm															Ban quản lý dự án quận Bắc Từ Liêm	
25	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật để đầu giá quyền sử dụng đất khu đất giáp đường 32 và đường Văn Tiến Dũng															Ban quản lý dự án quận Bắc Từ Liêm	
27	Xây dựng HTKT để đầu giá QSD đất lô CT1, CT2, CT3 khu TĐC tập trung Kiều Mai, phường Phúc Diễn	1	Phường Phúc Diễn			Số 3828/QĐ-UBND	28/11/2014	13.178		6.481	3.921	2.560				Ban quản lý dự án quận Bắc Từ Liêm	
28	GPMB phục vụ đầu giá QSD đất khu đất đầu giá 3,1ha phường Tây Tựu	1	Phường Tây Tựu							50		50				Ban quản lý dự án quận Bắc Từ Liêm	
29	GPMB phục vụ đầu giá QSD đất khu đất đầu giá 3,87ha phường Minh Khai															Ban quản lý dự án quận Bắc Từ Liêm	
	Xây dựng HTKT để đầu giá QSD đất khu đất giáp trung tâm hành chính quận Bắc Từ Liêm	1	Phường Minh Khai	2019-2020		1739/QĐ-UBND	24/4/2018	58.679			0	0				Ban quản lý dự án quận Bắc Từ Liêm	
30	Xây dựng HTKT phục vụ xây dựng trụ sở công an phường Tây Tựu	1	Phường Tây Tựu			Số 4942/QĐ-UBND	13/10/2016	7.000		7.000	100	6.900				Ban quản lý dự án quận Bắc Từ Liêm	
31	Xây dựng HTKT phục vụ xây dựng trụ sở công an phường Minh Khai	1	Phường Minh Khai			Số 4943/QĐ-UBND	13/10/2016	4.400		4.400	100	4.300				Ban quản lý dự án quận Bắc Từ Liêm	
32	Xây dựng HTKT phục vụ xây dựng trụ sở công an phường Phú Diễn	1	Phường Phú Diễn			Số 4898/QĐ-UBND	11/10/2016	4.500		4.500	100	4.400				Ban quản lý dự án quận Bắc Từ Liêm	
33	Xây dựng HTKT phục vụ xây dựng trụ sở công an phường Xuân Tảo	1	Phường Xuân Tảo			Số 4897/QĐ-UBND	11/10/2016	4.700		4.700	100	4.600				Ban quản lý dự án quận Bắc Từ Liêm	
34	Xây dựng HTKT phục vụ xây dựng trụ sở công an phường Liên Mạc	1	Phường Liên Mạc			Số 4944/QĐ-UBND	13/10/2016	5.600		5.600	100	5.500				Ban quản lý dự án quận Bắc Từ Liêm	
35	Xây dựng HTKT phục vụ xây dựng trụ sở công an phường Phúc Diễn	1	Phường Phúc Diễn			Số 5390/QĐ-UBND	31/10/2016	4.700		4.700	100	4.600				Ban quản lý dự án quận Bắc Từ Liêm	

TT	Tên danh mục dự án	Tổng số dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Năng lực thiết kế	Quyết định phê duyệt CTĐT hoặc dự án, BCKTKT		Tổng mức đầu tư (dự kiến hoặc đã phê duyệt)		Giai đoạn 2016 - 2020						Chủ đầu tư	Ghi chú
						Số Quyết định	Ngày, tháng năm	Tổng số	Trong đó: GPMB	Tổng số	Trong đó chia ra các năm						
											Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
36	Xây dựng HTKT đầu giá QSD đất các khu đất xen kẹt nhỏ lẻ phường Minh Khai	1	Phường Minh Khai							0						Ban quản lý dự án quận Bắc Từ Liêm	
V	Công trình HTXH Giáo dục	47						2.647.423	98.640	2.126.528	131.708	394.520	344.200	526.200	729.900		
	Mầm non	13						499.380	34.080	422.517	34.117	145.000	92.200	91.000	60.200		
1	Cải tạo, nâng cấp trường mầm non Cổ Nhuế 2	1	Phường Cổ Nhuế 2	2018-2020	- Phá dỡ dãy nhà học cũ; xây dựng dãy nhà học 3 tầng, diện tích khoảng 3.600m ²	Số 1670/QĐ-UBND	29/4/2016	26.871		29.500				15.000	14.500	Ban Quản lý dự án Quận	
2	Xây dựng, bổ sung phòng học trường mầm non Cổ Nhuế 2	1	Phường Cổ Nhuế 2	2017-2018	Xây dựng khối nhà học 3 tầng 12 phòng học, diện tích khoảng 3.600m ²	Số 4784/QĐ-UBND	28/10/2015	30.665		30.000		30.000				Ban Quản lý dự án Quận	
3	Xây dựng trường mầm non Phú Minh	1	Phường Minh Khai	2016-2020		Số 4975/QĐ-UBND	31/10/2015	78.762	14.400	70.550	18.550	52.000				Ban Quản lý dự án Quận	
4	Xây dựng trường mầm non Đức Thắng	1	Phường Đức Thắng			Số 8882/QĐ-UBND	29/11/2013	31.835		2.017	2.017					Ban Quản lý dự án Quận	
5	Xây dựng trường mầm non Xuân Tảo	1	Phường Xuân Tảo	2017-2018		Số 4846/QĐ-UBND	29/10/2015	37.204	12.000	37.350	150	15.000	22.200			Ban Quản lý dự án Quận	
6	Xây dựng bổ sung phòng học trường mầm non Phúc Diễn	1	Phường Phúc Diễn	2019-2020		Số 1306/QĐ-UBND	6/4/2015	18.234		18.000				9.000	9.000	Ban Quản lý dự án Quận	
7	Xây dựng trường mầm non Phú Diễn A	1	Phường Phú Diễn	2017-2020		Số 2195/QĐ-UBND	21/5/2016	76.960		75.000		25.000	30.000	20.000		Ban Quản lý dự án Quận	
8	Mở rộng, cải tạo trường mầm non Liên Mạc	1	Phường Liên Mạc	2017-2019		Số 4362/QĐ-UBND	23/10/2015	27.000		27.200	200	8.000	10.000	9.000		Ban Quản lý dự án Quận	
9	Xây dựng bổ sung phòng học trường mầm non Đồng Ngạc A	1	Phường Đồng Ngạc	2016-2017		Số 4557/QĐ-UBND	23/10/2015	14.500		13.000	13.000					UBND phường Đồng Ngạc	
10	Xây dựng mới trường mầm non Thượng Cát	1	Phường Thượng Cát	2020-2024		Số 1664/QĐ-UBND	29/4/2016	52.247		15.000					15.000	Ban Quản lý dự án Quận	
11	Xây dựng trường mầm non Đồng Ngạc C	1	Phường Đồng Ngạc	2018-2020		Số 238/TTHĐND	30/11/2016	52.000		52.000			15.000	20.000	17.000	Ban Quản lý dự án Quận	
	Cải tạo, sửa chữa trường mầm non Xuân Đình A	1	Phường Xuân Đình	2019-2020		Số 5429/QĐ-UBND	4/10/2018	8.736		8.700				4.000	4.700	Ban Quản lý dự án Quận	
12	Xây dựng trường mầm non Cổ Nhuế 1B	1	Phường Cổ Nhuế 1	2017-2019		Số 1667/QĐ-UBND	29/4/2016	44.346	7.680	44.200	200	15.000	15.000	14.000		Ban Quản lý dự án Quận	
	Tiểu học	20						735.953	30.960	723.211	14.891	80.920	172.000	257.200	198.200		
1	Xây dựng bổ sung phòng học chức năng trường tiểu học Cổ Nhuế 2B	1	Phường Cổ Nhuế 2	2017-2018	Xây dựng dãy nhà học 3 tầng, diện tích khoảng 1200m ² , gồm 9 phòng học	Số 769/QĐ-UBND	14/3/2016	14.981		11.920		11.920				UBND phường Cổ Nhuế 2	
2	Mở rộng và cải tạo trường tiểu học Liên Mạc	1	Phường Liên Mạc	2018-2020	-GPMB và san nền toàn bộ khu đất, diện tích khoảng 5.670m ²	Số 4591/QĐ-UBND	26/10/2015	49.144	5.400	49.000			15.000	15.000	19.000	Ban Quản lý dự án Quận	
3	Mở rộng, chỉnh trang trường tiểu học Xuân Đình	1	Phường Xuân Đình	2015-2016		Số 4979/QĐ-UBND	31/10/2015	27.084		24.191	14.191	10.000				Ban Quản lý dự án Quận	

TT	Tên danh mục dự án	Tổng số dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Năng lực thiết kế	Quyết định phê duyệt CTBT hoặc dự án, BCKTKT		Tổng mức đầu tư (dự kiến hoặc đã phê duyệt)		Giai đoạn 2016 - 2020						Chủ đầu tư	Ghi chú
						Số Quyết định	Ngày, tháng năm	Tổng số	Trong đó: GPMB	Tổng số	Trong đó chia ra các năm						
											Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
4	Xây dựng trường tiểu học Cổ Nhuế 1	1	Phường Cổ Nhuế 1	2017-2020		Số 1665/QĐ-UBND	29/4/2016	76.400	13.560	76.250	250	20.000	20.000	20.000	16.000	Ban Quản lý dự án Quận	
5	Xây dựng trường tiểu học Đức Thắng	1	Phường Đức Thắng	2017-2019		Số 5016/QĐ-UBND	31/10/2015	137.225	12.000	135.250	250	15.000	60.000	60.000		Ban Quản lý dự án Quận	
6	Xây dựng bổ sung phòng học trường tiểu học Tây Tư A	1	Phường Tây Tư	2018-2019		Số 4906/QĐ-UBND	30/10/2015	31.732		30.000			15.000	15.000		Ban Quản lý dự án Quận	
7	Xây dựng bổ sung phòng học trường tiểu học Tây Tư B	1	Phường Tây Tư	2018-2019		Số 4907/QĐ-UBND	30/10/2015	26.615		26.000			10.000	16.000		Ban Quản lý dự án Quận	
	Xây dựng trường tiểu học Đồng Ngạc	1	Phường Đồng Ngạc	2019-2020		12/NQ-HĐND	43.391	119.504		119.500				60.000	59.500	Ban Quản lý dự án Quận	
	Mua sắm thiết bị ứng dụng công nghệ thông tin trường Tiểu học Minh Khai B	1	Phường Minh Khai	2018-2019		Số 5023/QĐ-UBND	12/7/2017	3.427		3.400			2.000	1.400		Ban Quản lý dự án Quận	
	Mua sắm thiết bị ứng dụng công nghệ thông tin trường Tiểu học Tây Tư B	1	Phường Tây Tư	2017-2018		Số 5022/QĐ-UBND	12/7/2017	5.835		5.800			3.000	2.800		Ban Quản lý dự án Quận	
	Mua sắm thiết bị ứng dụng công nghệ thông tin trường tiểu học Thụy Phương, phường	1	phường Thụy Phương	2020-2021		5241/QĐ-UBND	26/9/2019	3.943		3.900					3.900	Ban Quản lý dự án Quận	
	Mua sắm thiết bị ứng dụng công nghệ thông tin trường tiểu học Thượng Cát, phường	1	phường Thượng Cát	2020-2021		5242/QĐ-UBND	26/9/2019	6.092		6.000					6.000	Ban Quản lý dự án Quận	
	Mua sắm thiết bị ứng dụng công nghệ thông tin trường tiểu học Đồng Ngạc A, phường	1	phường Đồng Ngạc	2020-2021		5243/QĐ-UBND	26/9/2019	6.453		6.400					6.400	Ban Quản lý dự án Quận	
	Mua sắm thiết bị ứng dụng công nghệ thông tin trường tiểu học Đồng Ngạc B, phường	1	phường Đồng Ngạc	2020-2021		5244/QĐ-UBND	26/9/2019	8.585		8.500					8.500	Ban Quản lý dự án Quận	
	Mua sắm thiết bị ứng dụng công nghệ thông tin trường tiểu học Đức Thắng, phường Đức	1	phường Đức Thắng	2020-2021		5245/QĐ-UBND	26/9/2019	3.963		3.900					3.900	Ban Quản lý dự án Quận	
	Mua sắm thiết bị ứng dụng công nghệ thông tin trường tiểu học Phú Diễn, phường Phú	1	phường Phú Diễn	2020-2021		5246/QĐ-UBND	26/9/2019	4.561		4.500					4.500	Ban Quản lý dự án Quận	
	Mua sắm thiết bị ứng dụng công nghệ thông tin trường THCS Đức Thắng, phường Đức	1	phường Đức Thắng	2020-2021		5247/QĐ-UBND	26/9/2019	6.510		6.500					6.500	Ban Quản lý dự án Quận	
8	Xây dựng bổ sung phòng học trường tiểu học Minh Khai A	1	Phường Minh Khai	2019-2020		Số 55/THĐND	20/6/2016	44.999		44.000				20.000	24.000	Ban Quản lý dự án Quận	
9	Xây dựng bổ sung phòng học trường tiểu học Phúc Diễn	1	Phường Phúc Diễn	2018-2019		Số 949/QĐ-UBND	29/3/2015	14.425		14.000			7.000	7.000		Ban Quản lý dự án Quận	
10	Xây dựng trường tiểu học Phú Diễn	1	Phường Phú Diễn	2017-2020		Số 1675/QĐ-UBND	29/4/2016	144.475		144.200	200	24.000	40.000	40.000	40.000	Ban Quản lý dự án Quận	
*	Trung học cơ sở	8						599.880	33.600	569.800	82.700	168.600	80.000	117.000	121.500		
1	Mở rộng, cải tạo trường THCS Phúc Diễn	1	Phường Phúc Diễn	2017-2018		Số 103/QĐ-HĐND	7/10/2015	54.158		54.200	200	24.000	30.000			Ban Quản lý dự án Quận	
2	Xây bổ sung phòng học và phòng chức năng trường THCS Đồng Ngạc	1	Phường Đồng Ngạc	2016-2017		Số 4970/QĐ-UBND	31/10/2015	37.905		34.100	10.500	23.600				Ban Quản lý dự án Quận	
	Bảo dưỡng và lắp đặt bổ sung hệ thống phòng cháy chữa cháy các trường THCS Liên Mạc, THCS Thượng Cát, THCS Xuân Phương	1	Phường: Liên Mạc, Đồng Ngạc	2019-2020		Số 5431/QĐ-UBND	4/10/2018	13.600		13.500			7.000	6.500		Ban Quản lý dự án Quận	
	Xây dựng trường THCS Thượng Cát (giai đoạn II)	1	Phường Thượng Cát	2019-2021				110.887		80.000				50.000	30.000	Ban Quản lý dự án Quận	
3	Xây dựng trường THCS Đức Thắng	1	Phường Đức Thắng	2016-2018		Số 4976/QĐ-UBND	31/10/2015	83.438	9.600	83.000	27.000	56.000				Ban Quản lý dự án Quận	
4	Xây dựng trường THCS Cổ Nhuế 1	1	Phường Cổ Nhuế 1	2016-2019	- GPMB và san nền toàn bộ khu đất, diện tích 18.500m ²	Số 4978/QĐ-UBND	31/10/2015	110.866	24.000	110.000	45.000	65.000				Ban Quản lý dự án Quận	
5	Xây dựng bổ sung phòng học trường THCS Thụy Phương	1	Phường Thụy Phương	2019-2020	- Xây dựng khối nhà lớp học 4 tầng, diện tích sàn 18.500m ²	Số 987/QĐ-UBND	31/3/2016	19.026		19.000				10.000	9.000	Ban Quản lý dự án Quận	

TT	Tên danh mục dự án	Tổng số dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Năng lực thiết kế	Quyết định phê duyệt CTDT hoặc dự án, BCKTKT		Tổng mức đầu tư (dự kiến hoặc đã phê duyệt)		Giai đoạn 2016 - 2020						Chủ đầu tư	Ghi chú
						Số Quyết định	Ngày, tháng năm	Tổng số	Trong đó: GPMB	Tổng số	Trong đó chia ra các năm						
											Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
6	Xây dựng trường THCS Phú Diễn A	1				Số 253/TTHĐNT	8/12/2016	170.000		176.000			50.000	50.000	76.000	Ban Quản lý dự án Quận	
*	Trường Chất lượng cao	6						812.210	0	411.000	0	0	0	61.000	350.000		
1	Xây dựng trường tiểu học chất lượng cao Bắc Từ Liêm	1	Phường Tây Tựu	2016-2020		Số 1663/QĐ-UBND	29/4/2016	161.898		161.000				61.000	100.000	Ban Quản lý dự án Quận	
2	Xây dựng trường trung học cơ sở chất lượng cao Bắc Từ Liêm	1	Phường Tây Tựu	2016-2020		20/NQ-HĐND	17/12/2018	188.350		50.000					50.000	Ban Quản lý dự án Quận	
3	Xây dựng trường mầm non trong khu chức năng đô thị Tây Tựu (NT - 01)	1	Phường Tây Tựu	2016-2020		20/NQ-HĐND	17/12/2018	114.587		50.000					50.000	Ban Quản lý dự án Quận	
4	Xây dựng trường mầm non trong khu chức năng đô thị Tây Tựu (NT - 02)	1	Phường Tây Tựu	2019-2023		20/NQ-HĐND	17/12/2018	94.372		50.000					50.000	Ban Quản lý dự án Quận	
5	Xây dựng trường THCS trong khu chức năng đô thị Tây Tựu (THCS - 01)	1	Phường Tây Tựu	2019-2023		20/NQ-HĐND	17/12/2018	141.573		50.000					50.000	Ban Quản lý dự án Quận	
6	Xây dựng trường Tiểu học trong khu chức năng đô thị Tây Tựu (TH - 01)	1	Phường Tây Tựu	2019-2023		20/NQ-HĐND	17/12/2018	111.430		50.000					50.000	Ban Quản lý dự án Quận	
VI	Lĩnh vực Văn hóa - TDTT	79						402.196	34.400	349.470	86.510	135.020	22.090	54.900	50.950		
*	Trung tâm văn hóa cấp Quận, Phường	10						170.830	34.400	136.410	13.300	64.610	0	22.500	36.000		
1	Cải tạo, sửa chữa trung tâm thể dục thể thao quần Bắc Từ Liêm	1	Phường Phú Diễn	2017-2018	- Chính trang tường nhà thi đấu, hệ thống cửa;	Số 4745/QĐ-UBND	27/10/2015	6.816		6.850	50	6.800				Trung tâm TDTT Quận	
2	Cải tạo, sửa chữa trung tâm văn hóa quần Bắc Từ Liêm	1	Phường Phúc Diễn	2017-2018		Số 5133/QĐ-UBND	26/10/2016	2.615		0						Ban Quản lý dự án Quận	
3	Cải tạo sân nhà thi đấu trung tâm thể dục thể thao quần Bắc Từ Liêm	1	Phường Phú Diễn	2016-2017		Số 4896/QĐ-UBND	31/10/2015	2.755		2.900	2.900					Trung tâm TDTT Quận	
	Cải tạo, sửa chữa trung tâm văn hóa - thông tin và thể thao quần Bắc Từ Liêm	1	Phường Phúc Diễn	2019 - 2020		Số 5430/QĐ-UBND	4/10/2018	4.735		4.700				2.500	2.200	Trung tâm văn hóa Tdt	
	Xây dựng trung tâm văn hóa - thể dục thể thao phường Xuân Tảo	1	Phường Xuân Tảo	2018-2020		20/NQ-HĐND	17/12/2018	34.379		9.300					9.300	Ban Quản lý dự án Quận	
4	Xây dựng trung tâm văn hóa - thể dục thể thao phường Liên Mạc	1	Phường Liên Mạc	2018-2020	Xây dựng nhà văn hóa 2 tầng (Sàn khoảng 1200m2), sân bóng đá	Số 12/NQ-HĐND	18/10/2018	44.510	17.300	44.500				20.000	24.500	Ban Quản lý dự án Quận	
5	Xây dựng trung tâm văn hóa - thể thao phường Phúc Diễn	1	Phường Phúc Diễn	2015-2017	Xây dựng nhà văn hóa 2 tầng (Sàn khoảng 1200m2), sân bóng đá	Số 4972/QĐ-UBND	31/10/2015	26.604		23.660	2.000	21.660				Ban Quản lý dự án Quận	
6	Xây dựng trung tâm văn hóa - thể dục thể thao phường Cổ Nhuế 1	1	Phường Cổ Nhuế 1	2017-2019		Số 3017/QĐ-UBND	26/7/2016	19.850	4.500	20.000	150	19.850				Ban Quản lý dự án Quận	

TT	Tên danh mục dự án	Tổng số dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Năng lực thiết kế	Quyết định phê duyệt CTBT hoặc dự án, BCKTKT		Tổng mức đầu tư (dự kiến hoặc đã phê duyệt)		Giai đoạn 2016 - 2020						Chủ đầu tư	Ghi chú
						Số Quyết định	Ngày, tháng năm	Tổng số	Trong đó: GPMB	Tổng số	Trong đó chia ra các năm						
											Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
7	Xây dựng trung tâm văn hóa - thể dục thể thao phường Đức Thắng	1	Phường Đức Thắng	2015-2016	Xây dựng nhà văn hóa 2 tầng (Sàn khoảng 1200m ²), sân bóng đá	Số 4967/QĐ-UBND	31/10/2015	14.935	6.000	12.400	8.100	4.300				Ban Quản lý dự án Quận	
8	Xây dựng, mở rộng trung tâm văn hóa - thể thao phường Minh Khai (giai đoạn 3)	1	Phường Minh Khai	2017-2018		Số 3593/QĐ-UBND	17/9/2015	12.831	6.600	12.100	100	12.000				Ban Quản lý dự án Quận	
*	Nhà văn hóa tổ dân phố	62						209.552	0	190.520	72.260	51.610	19.300	32.400	14.950		
1	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố Đại Đồng, phường Thụy Phương	1	Phường Thụy Phương	2016-2017		Số 4882/QĐ-UBND	30/10/2015	2.850		2.500	2.500					UBND phường Thụy Phương	
2	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố Tân Nhục, phường Thụy Phương	1	Phường Thụy Phương	2016-2017		Số 4966/QĐ-UBND	31/10/2015	4.560		4.000	4.000					Ban Quản lý dự án Quận	
3	Xây dựng nhà văn hóa Thương Cát 3, phường Thương Cát	1	Phường Thương Cát	2016-2017		Số 4887/QĐ-UBND	30/10/2015	3.600		3.600	3.600					UBND phường Thương Cát	
	Xây dựng nhà văn hóa kết hợp điểm vui chơi tổ dân phố Phú Minh, phường Cổ Nhuế 2	1	Phường Cổ Nhuế 2	2019-2020		2128/QĐ-UBND	17/5/2018	4.754		4.700				2.000	2.700	UBND phường Cổ Nhuế 2	
4	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố số 4 (TDP số 7 cũ), phường Đức Thắng	1	Phường Đức Thắng	2017-2018		Số 4834/QĐ-UBND	29/10/2015	2.299		2.050	50	2.000				UBND phường Đức Thắng	
5	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố Trù 3 và Trù 4, phường Cổ Nhuế 2	1	Phường Cổ Nhuế 2	2017-2018		Số 4768/QĐ-UBND	27/10/2015	6.533		6.550	50	6.500				UBND phường Cổ Nhuế 2	
6	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố Văn Tri 4 (tổ dân phố Văn Tri cũ), phường Minh Khai	1	Phường Minh Khai	2015-2016		Số 4567/QĐ-UBND	23/10/2015	2.920		3.200	3.200					UBND phường Minh Khai	
7	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố Thương Cát 4	1	Phường Thương Cát	2017-2019	- Phá dỡ nhà làm việc cũ. - Xây dựng hội trường, diện tích khoảng 150m ²	Số 3397/QĐ-UBND	31/8/2015	2.035		3.000				3.000		UBND phường Thương Cát	
8	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố số 12, phường Phú Diễn	1	Phường Phú Diễn	2017-2018		Số 2197/QĐ-UBND	31/5/2016	2.802		2.800		2.800				UBND phường Phú Diễn	
9	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố số 3, phường Cổ Nhuế 2	1	Phường Cổ Nhuế 2	2016-2017		Số 4772/QĐ-UBND	28/10/2015	2.900		2.600	2.600					UBND phường Cổ Nhuế 2	
10	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố Tân Xuân 3, phường Xuân Đình	1	Phường Xuân Đình	2017-2018		Số 1595/QĐ-UBND	26/4/2016	1.498		1.450	50	1.400				UBND phường Xuân Đình	
	Cải tạo trạm y tế (cũ) thành nhà văn hóa tổ dân phố số 7,8,9, phường Phú Diễn	1	phường Phú Diễn	2020-2021		5248/QĐ-UBND	26/9/2019	4.281		4.200					4.200	UBND phường Phú Diễn	
11	Cải tạo nhà văn hóa TDP Đồng 1 và Đồng 6, Viên 1, Viên 5, phường Cổ Nhuế 2	1	Phường Cổ Nhuế 2	2016-2017		Số 4781/QĐ-UBND	28/10/2015	1.947		1.800	1.800					UBND phường Cổ Nhuế 2	
12	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố Đồng 3 và Đồng 4, phường Cổ Nhuế 2	1	Phường Cổ Nhuế 2	2017-2018		Số 8128/QĐ-UBND	30/10/2017	5.035		5.000				5.000		UBND phường Cổ Nhuế 2	
13	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố Trù 2 (tổ dân phố Trù 1 cũ), phường Cổ Nhuế 2	1	Phường Cổ Nhuế 2	2016-2017		Số 4771/QĐ-UBND	28/10/2015	2.700		2.400	2.400					UBND phường Cổ Nhuế 2	
14	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố số 1 phường Cổ Nhuế 2 (Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố số 1 và số 5, phường Cổ Nhuế 2)	1	Phường Cổ Nhuế 2	2019-2020		Số 3594/QĐ-UBND	25/9/2018	5.083		5.000				2.500	2.500	UBND phường Cổ Nhuế 2	
15	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố số 2 và số 4, phường Cổ Nhuế 2	1	Phường Cổ Nhuế 2	2017-2018		Số 4782/QĐ-UBND	28/10/2015	4.986		4.950	50	4.900				UBND phường Cổ Nhuế 2	
16	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố Trung 5 và Trung 6, phường Tây Tựu	1	Phường Tây Tựu	2016-2017		Số 4574/QĐ-UBND	23/10/2015	3.610		3.200	3.200					UBND phường Tây Tựu	

TT	Tên danh mục dự án	Tổng số dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Năng lực thiết kế	Quyết định phê duyệt CTĐT hoặc dự án, BCKTKT		Tổng mức đầu tư (dự kiến hoặc đã phê duyệt)		Giai đoạn 2016 - 2020						Chủ đầu tư	Ghi chú
						Số Quyết định	Ngày, tháng năm	Tổng số	Trong đó: GPMB	Tổng số	Trong đó chia ra các năm						
											Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
17	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố Trung 8 phường Tây Tựu	1	Phường Tây Tựu	2017-2018		Số 8126/QĐ-UBND	30/10/2017	3.000		4.650				2.000	2.650	UBND phường Tây Tựu	
18	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố Hạ 11 phường Tây Tựu	1	Phường Tây Tựu	2017-2018		Số 4799/QĐ-UBND	28/10/2015	3.000		3.050	50	3.000				UBND phường Tây Tựu	
19	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố Hạ 12 phường Tây Tựu	1	Phường Tây Tựu	2017-2018		Số 5941/QĐ-UBND	26/10/2018	4.700		4.700				4.700		UBND phường Tây Tựu	
20	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố Nhặt Táo 3, phường Đồng Ngạc.	1	Phường Đồng Ngạc	2016-2017		Số 4806/QĐ-UBND	29/10/2015	2.850		2.500	2.500					UBND phường Đồng Ngạc	
21	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố Phúc Lý 1 và Phúc Lý 3, phường Minh Khai	1	Phường Minh Khai	2017-2018		Số 4796/QĐ-UBND	28/10/2015	3.000		0						UBND phường Minh Khai	
22	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố Ngọa Long 1 phường Minh Khai	1	Phường Minh Khai	2017-2018		Số 4447/QĐ-UBND	20/10/2015	3.000		3.050	50	3.000				UBND phường Minh Khai	
23	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố Nguyễn Xá 1 phường Minh Khai	1	Phường Minh Khai	2015-2016		Số 4568/QĐ-UBND	23/10/2015	2.930		3.460	3.000	460				UBND phường Minh Khai	
24	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố số 5 và số 7, phường Đức Thắng	1	Phường Đức Thắng	2017-2018		Số 4833/QĐ-UBND	4.200	4.200		0						UBND phường Đức Thắng	
25	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố số 8 phường Đức Thắng	1	Phường Đức Thắng	2016-2017		Số 4805/QĐ-UBND	29/10/2015	2.900		2.600	2.600					UBND phường Đức Thắng	
26	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố số 1, phường Xuân Tảo	1	Phường Xuân Tảo	2016-2017		Số 4873/QĐ-UBND	30/10/2015	3.020		2.700	2.700					UBND phường Xuân Tảo	
27	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố số 4 phường Xuân Tảo	1	Phường Xuân Tảo	2017-2018		Số 4847/QĐ-UBND	29/10/2015	3.000		3.050	50	3.000				UBND phường Xuân Tảo	
28	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố số 7, phường Xuân Tảo	1	Phường Xuân Tảo	2018-2019		Số 612/QĐ-UBND	2/3/2016	4.342		4.300			4.300			UBND phường Xuân Tảo	
29	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố số 8, phường Xuân Tảo	1	Phường Xuân Tảo	2017-2018		Số 1594/QĐ-UBND	21/4/2016	3.579		3.550	50	3.500				UBND phường Xuân Tảo	
30	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố Trung 2 phường Xuân Đình	1	Phường Xuân Đình	2016-2017		Số 4889/QĐ-UBND	30/10/2015	2.880		2.600	2.600					UBND phường Xuân Đình	
31	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố Trung 3 (TDP Trung cũ), phường Xuân Đình	1	Phường Xuân Đình	2019-2020		Số 4842/QĐ-UBND	29/10/2015	4.411		4.000				4.000		UBND phường Xuân Đình	
32	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố Trung 4 phường Xuân Đình	1	Phường Xuân Đình	2017-2019		Số 4832/QĐ-UBND	29/10/2015	3.000		3.050	50		3.000			UBND phường Xuân Đình	
33	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố Trung 5 phường Xuân Đình	1	Phường Xuân Đình	2017-2018		Số 4841/QĐ-UBND	29/10/2015	3.500		3.550	50	3.500				UBND phường Xuân Đình	
34	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố Xuân Trung phường Xuân Đình	1	Phường Xuân Đình	2017-2018		Số 4835/QĐ-UBND	29/10/2015	1.510		1.550	50	1.500				UBND phường Xuân Đình	
35	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố Xuân Nhang 2 phường Xuân Đình	1	Phường Xuân Đình	2016-2017		Số 4891/QĐ-UBND	30/10/2015	2.850		2.700	2.700					UBND phường Xuân Đình	
36	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố Cao Đình 4 phường Xuân Đình	1	Phường Xuân Đình	2016-2017		Số 4892/QĐ-UBND	30/10/2015	2.850		2.700	2.700					UBND phường Xuân Đình	
37	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố Xuân Lộc 3 phường Xuân Đình	1	Phường Xuân Đình	2017-2018		Số 4836/QĐ-UBND	29/10/2015	1.862		1.550	50	1.500				UBND phường Xuân Đình	
38	Cải tạo nhà văn hóa Trung 1, Xuân Nhang 1, Xuân Lộc 2, Tân xuân 4, Cao Đình 3, phường Xuân Đình	1	Phường Xuân Đình	2017-2018		Số 4849/QĐ-UBND	29/10/2015	2.908		2.950	50	2.900				UBND phường Xuân Đình	
39	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố số 18 phường Phú Diễn	1	Phường Phú Diễn	2015-2016		Số 4814/QĐ-UBND	29/10/2015	2.850		2.700	2.700					UBND phường Phú Diễn	

TT	Tên danh mục dự án	Tổng số dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Năng lực thiết kế	Quyết định phê duyệt CTĐT hoặc dự án, BCKTKT		Tổng mức đầu tư (dự kiến hoặc đã phê duyệt)		Giai đoạn 2016 - 2020						Chủ đầu tư	Ghi chú
						Số Quyết định	Ngày, tháng năm	Tổng số	Trong đó: GPMB	Tổng số	Trong đó chia ra các năm						
											Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
40	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố số 13 phường Phú Diễn	1	Phường Phú Diễn	2017-2018		Số 1593/QĐ-UBND	26/4/2016	2.952		2.950	50	2.900				UBND phường Phú Diễn	
41	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố số 14 phường Phú Diễn	1	Phường Phú Diễn	2016-2017		Số 4813/QĐ-UBND	29/10/2015	4.750		4.000	4.000					UBND phường Phú Diễn	
42	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố số 4, Phường Phú Diễn	1	Phường Phú Diễn	2016-2017		Số 4876/QĐ-UBND	30/10/2015	2.000		1.800	1.800					UBND phường Phú Diễn	
43	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố số 10, phường Phú Diễn	1	Phường Phú Diễn	2016-2017		Số 4965/QĐ-UBND	31/10/2015	2.850		2.500	2.500					UBND phường Phú Diễn	
44	Xây dựng nhà văn hóa TDP số 1, 2, 3, phường Phúc Diễn	1	Phường Phúc Diễn	2016-2017	- Xây dựng nhà văn hóa 2 tầng, diện tích sàn khoảng 600m2.	Số 4878/QĐ-UBND	30/10/2015	6.240		5.600	5.600					UBND phường Phúc Diễn	
45	Cải tạo trạm y tế cũ thành nhà văn hóa tạm tổ dân phố số 6 phường Phúc Diễn	1	Phường Phúc Diễn	2016-2017	- Cải tạo trạm y tế cũ thành nhà văn hóa, diện tích khoảng 123m2; nhà bán vệ.	Số 4879/QĐ-UBND	30/10/2015	950		1.160	1.160					UBND phường Phúc Diễn	
46	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố số 10 phường Phúc Diễn	1	Phường Phúc Diễn	2016-2017	- Xây dựng nhà văn hóa 2 tầng, diện tích sàn khoảng 260m2. - Công trình hạ tầng kỹ	Số 4880/QĐ-UBND	30/10/2015	2.920		2.600	2.600					UBND phường Phúc Diễn	
47	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố số 15 phường Phúc Diễn	1	Phường Phúc Diễn	2017-2018	- Xây dựng nhà văn hóa 1 tầng, diện tích sàn khoảng 195m2. - Xây dựng công trình hạ	Số 4803/QĐ-UBND	28/10/2015	1.934		1.950	50	1.900				UBND phường Phúc Diễn	
48	Cải tạo nhà văn hóa TDP số 14, phường Phúc Diễn	1	Phường Phúc Diễn	2016-2017	- Cải tạo nhà văn hóa hiện có	Số 4755/QĐ-UBND	27/10/2015	928		850	50	800				UBND phường Phúc Diễn	
49	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố Hoàng 1 và Hoàng 2 phường Cổ Nhuế 1	1	Phường Cổ Nhuế 1	2016-2017	- Phá dỡ nhà 1 tầng. - Xây dựng nhà văn hóa 3 tầng, diện tích khoảng 270m2.	Số 4874/QĐ-UBND	30/10/2015	2.750		50	50					UBND phường Cổ Nhuế 1	
50	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố Hoàng 3 phường Cổ Nhuế 1		Phường Cổ Nhuế 1	2017-2018	- Xây dựng nhà văn hóa 3 tầng, diện tích sàn khoảng 300m. - Xây dựng hạ tầng kỹ	Số 4909/QĐ-UBND	30/10/2015			50	50					Ban Quản lý dự án Quận	
51	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố Hoàng 5, và Hoàng 6, phường Cổ Nhuế 1															Ban Quản lý dự án Quận	
52	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố Hoàng 14 phường Cổ Nhuế 1	1	Phường Cổ Nhuế 1	2016-2017	- Xây dựng nhà văn hóa 3 tầng, diện tích sàn	Số 4738/QĐ-UBND	27/10/2015	2.500		2.700	1.750	950				UBND phường Cổ Nhuế 1	
53	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố Đại Cát 2 phường Liên Mạc	1	Phường Liên Mạc	2016-2017	- Xây dựng nhà văn hóa 2 tầng, diện tích khoảng 360m2	Số 4808/QĐ-UBND	29/10/2015	2.660		2.900	2.900					UBND phường Liên Mạc	
	Xây dựng nhà văn hóa Tổ dân phố Ngọa Long 2, phường Minh Khai	1	Phường Minh Khai	2018-2020		Số 8094/QĐ-UBND	27/10/2017	4.900		4.900				2.000	2.900	UBND phường Minh Khai	
	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố Hạ 9, phường Tây Tựu	1	Phường Tây Tựu	2018-2019		Số 8124/QĐ-UBND	30/10/2017	4.800		5.200			3.000	2.200		UBND phường Tây Tựu	
	Chỉnh trang nhà văn hóa tổ dân phố Văn trí 3 và nhà văn hóa tổ dân phố Nguyễn Xá 2, phường Minh Khai	1	Phường Minh Khai	2017-2019		6648/QĐ-UBND	19/9/2017	3.572		3.500			2.000	1.500		UBND phường Minh Khai	
	Xây dựng nhà văn hóa kết hợp điểm vui chơi tổ dân phố Viên 1, phường Cổ Nhuế 2	1	Phường Cổ Nhuế 2	2018-2019		3816/QĐ-UBND	16/5/2017	6.092		3.000			3.000			Ban Quản lý dự án Quận	
	Xây dựng nhà văn hóa kết hợp điểm vui chơi tổ dân phố số 15, phường Tây Tựu	1	Phường Tây Tựu	2018-2019		8126/QĐ-UBND	30/10/2017	5.900		7.500			4.000	3.500		UBND phường Tây Tựu	

TT	Tên danh mục dự án	Tổng số dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Năng lực thiết kế	Quyết định phê duyệt CTĐT hoặc dự án, BCKTKT		Tổng mức đầu tư (dự kiến hoặc đã phê duyệt)		Giai đoạn 2016 - 2020						Chủ đầu tư	Ghi chú
						Số Quyết định	Ngày, tháng năm	Tổng số	Trong đó: GPMB	Tổng số	Trong đó chia ra các năm						
											Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
54	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố Yên Nội 1 phường Liên Mạc	1	Phường Liên Mạc	2016-2017	- phá dỡ nhà văn hóa 1 tầng, nhà vệ sinh - Xây dựng nhà văn hóa 2 tầng, diện tích sàn	Số 4809/QĐ-UBND	29/10/2015	2.800		2.400	2.400					UBND phường Liên Mạc	
55	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố Yên Nội 2 phường Liên Mạc	1	Phường Liên Mạc	2017-2018	- GPMB và san nền diện tích khoảng 500m2. - Xây dựng nhà văn hóa 2 tầng, diện tích khoảng 370m2	Số 5039/QĐ-UBND	31/10/2015	3.800		3.850	50	3.800				UBND phường Liên Mạc	
56	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố Hoàng Liên 1 phường Liên Mạc	1	Phường Liên Mạc	2016-2017	- Phá dỡ nhà 1 tầng - Xây dựng nhà văn hóa 1 tầng, S=150m2. - Cải tạo nhà 2 tầng hiện	Số 4810/QĐ-UBND	29/10/2015	1.920		1.700	1.700					UBND phường Liên Mạc	
*	Cải tạo nhà văn hóa tổ dân phố	7						22.614	0	22.540	950	18.800	2.790	0	0		
1	Cải tạo nhà văn hóa tổ dân phố số 5, phường Phúc Diễn	1	Phường Phúc Diễn	2016-2017	Cải tạo nhà văn hóa 1 tầng hiện có.	Số 4826/QĐ-UBND	29/10/2015	716		750	50	700				UBND phường Phúc Diễn	
2	Cải tạo nhà văn hóa tổ dân phố số 11 phường Phú Diễn	1	Phường Phú Diễn	2017-2018		Số 5017/QĐ-UBND	31/10/2015	1.005		1.050	50	1.000				UBND phường Phú Diễn	
3	Cải tạo nhà văn hóa tổ dân phố số 17 phường Phú Diễn	1	Phường Phú Diễn	2016-2017		Số 4980/QĐ-UBND	31/10/2015	800		700	700					UBND phường Phú Diễn	
	Cải tạo, nâng cấp nhà văn hóa số 2, phường Phú Diễn	1	Phường Phú Diễn	2017-2018		1800/QĐ-UBND	31/03/2017	2.791		2.790		2.790				UBND phường Phú Diễn	
4	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố số 13, phường Phúc Diễn	1	Phường Phúc Diễn	2017-2018	- Xây dựng nhà văn hóa 2 tầng, diện tích sàn khoảng 360m2.	Số 4753/QĐ-UBND	27/10/2015	3.712		3.750	50	3.700				UBND phường Phúc Diễn	
5	Cải tạo nhà văn hóa tổ dân phố Thượng Cát 2 và Đồng Ba 3, phường Thượng Cát	1	Phường Thượng Cát	2016-2017	- Cải tạo nhà văn hóa 1 tầng, diện tích khoảng 185m2.	Số 4406/QĐ-UBND	15/10/2015	1.400		1.450	50	1.400				UBND phường Thượng Cát	
6	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố Đồng Ngạc 8 và Liên Ngạc, phường Đồng Ngạc	1	Phường Đồng Ngạc	2017-2018		4791/QĐ-UBND	28/10/2015	12.190		12.050	50	12.000				UBND phường Đồng Ngạc	
VII	Công trình HTXH Văn hóa di tích lịch sử	35						312.517	0	290.300	32.550	81.500	66.150	53.600	56.500		
1	Tu bổ, tôn tạo chùa Thiên Lộc phường Xuân Đình (giai đoạn 1)	1	Phường Xuân Đình	2018-2019	Tu bổ, tôn tạo nhà thờ Mẫu, nhà thờ Tổ	Số 4843/QĐ-UBND	29/10/2015	14.755		14.700			14.700			UBND phường Xuân Đình	
2	Tu bổ, tôn tạo nhà Tổ chùa Liên Ngạc, phường Đồng Ngạc	1	Phường Đồng Ngạc	2017-2018	Tu bổ, tôn tạo nhà tổ diện tích khoảng 120m2	Số 1260/QĐ-UBND	6/4/2016	5.900		5.950	50	5.900				UBND phường Đồng Ngạc	
3	Tu bổ, tôn tạo nhà Tá mac, Hữu mac đình Liên Ngạc, phường Đồng Ngạc	1	Phường Đồng Ngạc	2018-2019	Tu bổ, tôn tạo nhà Tá Mac, Hữu Mac diện tích khoảng 50m2/nhà	1261/QĐ-UBND	6/4/2016	7.877		7.800			7.800			UBND phường Đồng Ngạc	
4	Tu bổ, tôn tạo nhà tiền tế đình Văn Trì, phường Minh Khai	1	phường Minh Khai	2015-2016		Số 4875/QĐ-UBND	30/10/2015	6.860		6.000	6.000					Ban Quản lý dự án Quận	
	Tu bổ, tôn tạo chùa Phúc Lý, phường Minh Khai	1	Phường Minh Khai	2019-2020		75/QĐ-UBND	7/1/2019	11.396		10.600					10.600	UBND phường Minh Khai	
	Cải tạo, chỉnh trang đại tướng niệm liệt sỹ phường Minh Khai	1	Phường Minh Khai	2018-2019		Số 2944/QĐ-UBND	21/6/2018	5.699		5.600				5.600		UBND phường Minh Khai	
	Cải tạo, chỉnh trang khu di tích lưu niệm Bác Hồ	1	Phường Phú Diễn	2019-2020		Số 5333/QĐ-UBND	01/10/2018	4.899		4.800				2.400	2.400	UBND phường Phú Diễn	
	Tu bổ, tôn tạo toa tam bảo chùa Hưng Khánh, phường Tây Thu	1	Phường Tây Thu	2017-2019		1411/QĐ-UBND	9/3/2017	5.900		5.900			2.900	3.000		UBND phường Tây Thu	

TT	Tên danh mục dự án	Tổng số dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Năng lực thiết kế	Quyết định phê duyệt CTDT hoặc dự án, BCKTKT		Tổng mức đầu tư (dự kiến hoặc đã phê duyệt)		Giai đoạn 2016 - 2020						Chủ đầu tư	Ghi chú
						Số Quyết định	Ngày, tháng năm	Tổng số	Trong đó: GPMB	Tổng số	Trung đó chia ra các năm						
											Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	Tu bổ, tôn tạo chùa Bụt Mọc (giai đoạn 2), phường Phú Diễn	1	Phường Phú Diễn	2018-2019		3804/QĐ-UBND	15/05/2017	14.931		14.900			7.000	7.900		UBND phường Phú Diễn	
	Tu bổ, tôn tạo nhà Mẫu chùa Văn Trì, phường Minh Khai	1	Phường Minh Khai	2019-2020		5438/QĐ-UBND	4/10/2018	8.980		7.800				4.000	3.800	UBND phường Minh Khai	
	Tu bổ, tôn tạo nhà Ni và công trình phụ trợ chùa Hoàng Liên, phường Liên Mạc	1	Phường Liên Mạc	2018-2019		2588/QĐ-UBND	12/06/2018	8.000		8.000				8.000		UBND phường Liên Mạc	
5	Tu bổ, tôn tạo chùa Bụt Mọc, phường Phú Diễn	1	Phường Phú Diễn	2016-2017		Số 4877/QĐ-UBND	30/10/2015	13.750		13.300	13.300					UBND phường Phú Diễn	
6	Tu bổ, tôn tạo chùa Lưu Bái tổ dân phố Kiều Mai (giai đoạn II)	1	Phường Phúc Diễn	2015-2016		Số 4571/QĐ-UBND	23/10/2015	12.273		11.000	5.000	6.000				UBND phường Phúc Diễn	
7	Tu bổ, tôn tạo đình Phúc Lý (giai đoạn II), phường Minh Khai	1	Phường Minh Khai	2016-2017		Số 3871/QĐ-UBND	29/3/2015	4.493		4.450	50	4.400				UBND phường Minh Khai	
8	Tu bổ, tôn tạo Đại bái, hậu cung đình Chèm, phường Thụy Phương	1	phường Thụy Phương	2017-2018		Số 1682/QĐ-UBND	29/4/2016	3.570		3.600	100	3.500				Ban Quản lý dự án Quận	
9	Tu bổ, tôn tạo chùa Minh Phúc, phường Xuân Đình	1	Phường Xuân Đình	2016-2018		626/QĐ-UBND	2/3/2016	14.868		13.400	7.700	5.700				UBND phường Xuân Đình	
10	Tu bổ, tôn tạo Miếu Vũ TDP Xuân Nang 2, phường Xuân Đình															UBND phường Xuân Đình	
11	Tu bổ, tôn tạo chùa Bồ Đề, phường Minh Khai	1	Phường Minh Khai	2017-2018		774/QĐ-UBND	16/3/2016	1.800		1.850	50	1.800				UBND phường Minh Khai	
12	Tu bổ, tôn tạo Tả mạc đình Hoàng xá, phường Liên Mạc	1	Phường Liên Mạc	2017-2018	- Tu bổ, tôn tạo nhà tá mạc, nghi môn và lát	754/QĐ-UBND	11/3/2016	3.625		3.650	50	3.600				UBND phường Liên Mạc	
13	Tu bổ, tôn tạo Tả mạc, hữu mạc và công trình phụ trợ đình Hoàng Liên, phường Liên Mạc	1	Phường Liên Mạc	2017-2018		Số 1675/QĐ-UBND	29/4/2016	5.500		5.550	50	5.500				UBND phường Liên Mạc	
14	Tu bổ, tôn tạo Tam bảo chùa Kỳ Vũ, phường Thượng Cát	1	Phường Thượng Cát	2018-2019		Số 971/QĐ-UBND	31/3/2016	11.280		11.000			11.000			UBND phường Thượng Cát	
15	Tu bổ, tôn tạo tam bảo chùa Trung Hưng, phường Cổ Nhuế 1	1	Phường Cổ Nhuế 1	2018-2019	- Tu bổ, tôn tạo nhà Tam bảo, diện tích khoảng	Số 972/QĐ-UBND	31/3/2016	9.765		9.700			9.700			UBND phường Cổ Nhuế 1	
16	Tu bổ, tôn tạo Đại đình, Phường Đình Đình trung Túu, phường Tây Túu	1	Phường Tây Túu	2017-2018		984/QĐ-UBND	31/3/2016	13.351		13.550	50	13.500				UBND phường Tây Túu	
17	Tu bổ, tôn tạo Tam quan, nhà Tổ chùa Thành Quang, phường Liên Mạc	1	Phường Liên Mạc	2017-2018	- Tu bổ, tôn tạo nhà tổ, tam quan, lát sân và hệ thống thoát nước sân	753/QĐ-UBND	11/3/2016	12.424		12.450	50	12.400				UBND phường Liên Mạc	
18	Tu bổ, tôn tạo Gác chuông, nhà Vương chùa Từ Khánh, phường Đồng Ngạc	1	Phường Đồng Ngạc	2017-2018		950/QĐ-UBND	30/3/2016	11.494		11.450	50	11.400				UBND phường Đồng Ngạc	
19	Tu bổ, tôn tạo nhà thờ Tổ, tam quan chùa Nhất Tảo, phường Đồng Ngạc	1	Phường Đồng Ngạc	2018-2019		1260/QĐ-UBND	6/4/2016	5.900		5.900			5.900			UBND phường Đồng Ngạc	
20	Tu bổ, tôn tạo Tam bảo chùa Đình Quán, phường Phúc Diễn	1	Phường Phúc Diễn	2019-2020		1308/QĐ-UBND	8/4/2016	12.606		12.200				6.200	6.000	UBND phường Phúc Diễn	
21	Tu bổ, tôn tạo Tả mạc, Hữu mạc đình Đức Diển, phường Phúc Diễn	1	Phường Phúc Diễn	2019-2020		1309/QĐ-UBND	8/4/2016	4.325		4.000				2.000	2.000	UBND phường Phúc Diễn	
22	Tu bổ, tôn tạo Trung tế đình Nhái Tảo, phường Đồng Ngạc	1	Phường Đồng Ngạc	2019-2020		952/QĐ-UBND	30/3/2016	11.590		12.500				6.000	6.500	UBND phường Đồng Ngạc	
23	Tu bổ, tôn tạo Tả mạc, Hữu mạc và Nghi môn Đình Đại Cát, Liên Mạc	1	phường Liên Mạc	2017-2018		755/QĐ-UBND	11/3/2016	7.866		7.850	50	7.800				UBND phường Liên Mạc	
	Phòng chống mối chùa Yên Nội, đền Yên Nội, đình Yên Nội và chùa Hoàng Liên, phường Liên Mạc	1	Phường Liên Mạc	2019-2020		Số 2729/QĐ-UBND	24/5/2019	1.700		1.700				1.500	200	UBND phường Liên Mạc	
	Tu bổ, tôn tạo đình Tây Túu, phường Tây Túu (đình Đăm)	1	Phường Tây Túu	2020-2021		Số 2728/QĐ-UBND	24/5/2019	19.898		15.000					15.000	Ban quản lý dự án Quận	

TT	Tên danh mục dự án	Tổng số dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Năng lực thiết kế	Quyết định phê duyệt CTĐT hoặc dự án, BCKTKT		Tổng mức đầu tư (dự kiến hoặc đã phê duyệt)		Giai đoạn 2016 - 2020						Chủ đầu tư	Ghi chú
						Số Quyết định	Ngày, tháng năm	Tổng số	Trong đó: GPMB	Tổng số	Trong đó chia ra các năm						
											Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	Di chuyển 02 hộ gia đình ông Nguyễn Văn Nhật và ông Lê Văn Văn đang sử dụng đất nằm ở vị trí trung tâm lõi chùa trong khuôn viên khu vực 1 báo về di tích chùa Từ Khánh	1	Phường Đồng Ngạc	2019 - 2020		Số 5730/QĐ-UBND	17/10/2018	6.011		6.000				3.000	3.000	Trung tâm phát triển quỹ đất quận	
24	Tu bổ, tôn tạo chùa Thanh Lâm, phường Minh Khai	1	Phường Minh Khai	2018-2019		8109/QĐ-UBND	30/10/2017	7.150		7.150			7.150			UBND phường Minh Khai	
	Tu bổ, tôn tạo Đình Viên, phường Cổ Nhuế 2	1	Phường Cổ Nhuế 2	2020-2022		5731/QĐ-UBND	16/10/2019	13.349		3.000					3.000	Ban Quản lý dự án Quận	
25	Tu bổ, tôn tạo nhà thờ họ Nguyễn Hữu Liêu, phường Tây Tựu	1	Phường Tây Tựu	2019-2020		983/QĐ-UBND	31/3/2016	8.732		8.000				4.000	4.000	UBND phường Tây Tựu	
VIII	Công trình HTXH Thương mại - Dịch vụ - Du lịch	3						17.450	0	16.720	5.450	10.070	0	600	600		
1	Xây dựng chợ dân sinh Ngọa Long - Văn Trì, phường Minh Khai															Ban Quản lý dự án Quận	
2	Xây dựng chợ dân sinh tổ dân phố Kiều Mai, phường Phúc Diễn															Ban Quản lý dự án Quận	
3	Cải tạo, nâng cấp chợ Xuân Đình II, phường Xuân Đình	1	Phường Xuân Đình	2017-2018		Số 5012/QĐ-UBND	31/10/2015	8.500		8.550	50	8.500				Ban Quản lý dự án Quận	
4	Cải tạo, nâng cấp chợ dân sinh liên tổ dân phố Đồng Ba, phường Thượng Cát	1	Phường Thượng Cát	2015-2016	- Phá dỡ công trình cũ, tôn nền. - Xây nhà cho chính.	Số 4888/QĐ-UBND	30/10/2015	7.750		6.970	5.400	1.570				UBND phường Thượng Cát	
5	Xây dựng chợ dân sinh tổ dân phố Hạ, phường Tây Tựu															UBND phường Tây Tựu	
	Lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy chợ dân sinh TDP Đồng Ba- Thượng Cát, phường Thượng Cát	1	Phường Thượng Cát	2019-2020		Số 2864/QĐ-UBND	06/03/2019	1.200		1.200				600	600	UBND phường Thượng Cát	
6	Xây dựng chợ dân sinh phường Đức Thắng															Ban Quản lý dự án Quận	
7	Chợ dân sinh phường Xuân Tảo															UBND phường Xuân Tảo	
IX	Công trình HTXH Y tế	8						111.961	0	77.050	6.650	13.800	0	3.500	53.100		
1	Xây dựng trạm y tế phường Phú Diễn	1	Phường Phú Diễn	2016-2018		Số 79/QĐ-UBND	11/01/2016	13.000		4.600		4.600				Ban quản lý dự án quận Bắc Từ Liêm	
2	Cải tạo, nâng cấp trạm y tế phường Phúc Diễn	1	Phường Phúc Diễn	2015-2016	- Xây dựng mới khối nhà 2 tầng, diện tích sàn khoảng 270m ²	Số 4570/QĐ-UBND	23/10/2015	6.920		6.400	6.400					UBND phường Phúc Diễn	
	Xây dựng trung tâm y tế quận Bắc Từ Liêm	1	Phường Minh Khai	2019-2022		21/NQ-HUBND	4/10/2019	76.173		50.000					50.000	Ban Quản lý dự án Quận	
	Cải tạo, chỉnh trang trạm y tế phường Cổ Nhuế 2	1	Phường Cổ Nhuế 2	2019-2020		Số 2753/QĐ-UBND	18/6/2018	2.936		2.900				1.500	1.400	UBND phường Cổ Nhuế 2	
	Cải tạo, chỉnh trang trạm y tế phường Thượng Cát	1	Phường Thượng Cát	2019-2020		Số 2754/QĐ-UBND	18/6/2018	3.700		3.700				2.000	1.700	UBND phường Thượng Cát	
3	Cải tạo, nâng cấp phòng khám đa khoa trung tâm quận Bắc Từ Liêm	1	Phường Thụy Phương	2017-2018	- Phá dỡ nhà xe, phòng bảo vệ; phòng dược; đơn nguyên 2 tầng hiện có. - Xây dựng mới 02 khối nhà 2 tầng. - Cải tạo nhà vệ sinh cũ.	Số 763/QĐ-UBND	11/3/2016	5.700		5.850	150	5.700				Ban Quản lý dự án Quận	

TT	Tên danh mục dự án	Tổng số dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Năng lực thiết kế	Quyết định phê duyệt CTĐT hoặc dự án, BCKTKT		Tổng mức đầu tư (dự kiến hoặc đã phê duyệt)		Giai đoạn 2016 - 2020						Chủ đầu tư	Ghi chú
						Số Quyết định	Ngày, tháng năm	Tổng số	Trong đó: GPMB	Tổng số	Trong đó chia ra các năm						
											Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
4	Cải tạo, sửa chữa trạm y tế phường Xuân Đình	1	Phường Xuân Đình	2017-2018		Số 5015/QĐ-UBND	31/10/2015	1.815		1.850	50	1.800				UBND phường Xuân Đình	
5	Cải tạo, sửa chữa trạm y tế phường Đồng Ngạc	1	Phường Đồng Ngạc	2017-2018		1268/QĐ-UBND	6/4/2016	1.717		1.750	50	1.700				UBND phường Đồng Ngạc	
X	Công trình HTXH cơ quan hành chính	18						683.077	45.182	225.090	47.800	83.690	21.500	50.400	21.700		
1	Xây dựng trụ sở làm việc phường Phú Diễn	1	Phường Phú Diễn	2016-2018	- Bóc hữu cơ và san nền toàn bộ khu đất. - Xây dựng khối nhà làm việc 3 tầng (Ssản 2700m2); nhà bảo vệ.	Số 4977/QĐ-UBND	31/10/2015	41.806	12.000	37.200	13.000	24.200				Ban Quản lý dự án Quận	
2	Xây dựng trụ sở làm việc phường Đức Thắng	1	Phường Đức Thắng	2016-2018	Xây dựng khối nhà làm việc 3 tầng (Ssản 2700m2); nhà bảo vệ.	Số 4974/QĐ-UBND	31/10/2015	41.295	10.800	37.000	16.800	20.200				Ban Quản lý dự án Quận	
	Cải tạo, chỉnh trang trụ sở UBND phường Cổ Nhuế 1	1	Phường Cổ Nhuế 1	2020-2021		2726/QĐ-UBND	24/5/2019	9.000		5.200					5.200	Phường Cổ Nhuế 1	
	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND phường Đồng Ngạc	1	Phường Đồng Ngạc	2020-2021		2727/QĐ-UBND	24/5/2019	3.409		3.400					3.400	Phường Đồng Ngạc	
3	Xây dựng trụ sở làm việc phường Xuân Tảo	1	Phường Xuân Tảo	2018-2019	Xây dựng khối nhà làm việc 3 tầng (Ssản 2700m2); nhà bảo vệ.	Số 4974/QĐ-UBND	31/10/2015	33.300	7.800	18.000				18.000		Ban Quản lý dự án Quận	
4	Xây dựng trụ sở làm việc phường Cổ Nhuế 2	1	Phường Cổ Nhuế 2	2016-2018	Xây dựng khối nhà làm việc 3 tầng (Ssản 2700m2); nhà bảo vệ.	Số 6331/QĐ-UBND	12/11/2018	42.681	12.000	39.000	3.000	32.000	4.000			Ban Quản lý dự án Quận	
5	Xây dựng bổ sung phòng làm việc, phòng chức năng một cửa, phòng tiếp công dân trụ sở UBND phường Thụy Phương	1	Phường Thụy Phương	2018-2020	Diện tích khu đất mở rộng khoảng 2.152m2. Xây dựng, bổ sung xây	Số 3461/QĐ-UBND	4/9/2015	13.943	2.582	13.900			8.000	5.900		Ban Quản lý dự án Quận	
	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ dự án Xây dựng trụ sở công an phường Cổ Nhuế 1	1	Phường Cổ Nhuế 1	2019 - 2020		Số 5432/QĐ-UBND	4/10/2018	2.738		2.700				2.700		Ban Quản lý dự án Quận	
	Giải phóng mặt bằng và xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ dự án Xây dựng trụ sở công an phường Đồng Ngạc	1	Phường Đồng Ngạc	2019 - 2020		Số 5433/QĐ-UBND	4/10/2018	6.509		6.500				3.000	3.500	Ban Quản lý dự án Quận	
	Giải phóng mặt bằng và xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ dự án Xây dựng trụ sở công an phường Đức Thắng	1	Phường Đức Thắng	2019 - 2020		Số 5434/QĐ-UBND	4/10/2018	6.191		6.100				3.000	3.100	Ban Quản lý dự án Quận	
	Giải phóng mặt bằng và xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ dự án Xây dựng trụ sở công an phường Thượng Cát	1	Phường Thượng Cát	2019 - 2020		Số 5435/QĐ-UBND	4/10/2018	6.046		6.000				3.000	3.000	Ban Quản lý dự án Quận	
	Giải phóng mặt bằng và xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ dự án Xây dựng trụ sở công an phường Thụy Phương	1	Phường Thụy Phương	2019 - 2020		Số 5436/QĐ-UBND	4/10/2018	7.515		7.500				4.000	3.500	Ban Quản lý dự án Quận	
	Mua sắm, lắp đặt trang thiết bị phòng cháy chữa cháy trụ sở ứng trực các lực lượng dân phòng, trụ sở công an 13 phường, chợ, đình, đền, chùa, miếu mạo trên địa bàn quận Bắc Từ Liêm	1	Quận Bắc Từ Liêm	2018-2019		Số 8004/QĐ-UBND	26/10/2017	18.802		18.800			9.000	9.800		Ban Quản lý dự án Quận	
	Xây dựng trụ sở Quận ủy, HĐND, UBND quận Bắc Từ Liêm	1	Phường Minh Khai	2017-2020		5876/QĐ-TP	30/10/2018	373.000		500			500			UBND quận Bắc Từ Liêm	
6	Xây dựng bổ sung phòng làm việc, phòng hành chính một cửa, phòng tiếp công dân trụ sở UBND phường Đồng Ngạc	1	Phường Đồng Ngạc	2017	Xây dựng khối nhà làm việc 3 tầng (diện tích sàn 150m2) bổ sung phòng	Số 3556/QĐ-UBND	14/9/2015	4.390		4.300		4.300				UBND phường Đồng Ngạc	
7	Xây dựng trụ sở UBND phường Tây Từ	1	Phường Tây Từ	2016-2018		Số 4971/QĐ-UBND	31/10/2015	37.471		0						Ban Quản lý dự án Quận	

TT	Tên danh mục dự án	Tổng số dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Năng lực thiết kế	Quyết định phê duyệt CTĐT hoặc dự án, BCKTKT		Tổng mức đầu tư (dự kiến hoặc đã phê duyệt)		Giai đoạn 2016 - 2020						Chủ đầu tư	Ghi chú
						Số Quyết định	Ngày, tháng năm	Tổng số	Trong đó: GPMB	Tổng số	Trong đó chia ra các năm						
											Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
8	Mua sắm, lắp đặt trang thiết bị phòng cháy chữa cháy trụ sở làm việc các phường và các trường học công lập trên địa bàn Quận.	1		2016-2017	Mua sắm, lắp đặt trang thiết bị phòng cháy chữa cháy	928/QĐ-UBND	25/3/2016	19.995		17.990	15.000	2.990				Ban Quản lý dự án Quận	
9	Cải tạo, sửa chữa, bổ sung phòng làm việc trụ sở phường Xuân Đình	1	Phường Xuân Đình	2018-2020		Số 1560/QĐ-UBND	22/4/2016	14.986		1.000				1.000		UBND phường Xuân Đình	
XI	Công trình HTXH công viên - cây xanh	16						108.566	0	99.450	11.550	44.800	7.000	20.600	15.500		
1	Xây kè đá và cải tạo môi trường ao Đình Trung Túu, phường Tây Túu	1	Phường Tây Túu	2017-2018		Số 1264/QĐ-UBND	6/4/2016	2.700		2.550	50	2.500				UBND phường Tây Túu	
2	Xây dựng điểm vui chơi ngoài trời kết hợp vườn hoa, cây xanh ao Dài tổ dân phố Hà 11, ao Đồng Rơm, phường Tây Túu	1	Phường Tây Túu	2017-2018		Số 5153/QĐ-UBND	27/10/2016	8.593		9.200		9.200				UBND phường Tây Túu	
3	Xây dựng kè, hệ thống thoát nước kết hợp điểm vui chơi ao Vườn Cau tổ dân phố 1, ao Hồ Láng tổ dân phố 2, phường Tây Túu,	1	Phường Tây Túu	2017-2018		Số 5152/QĐ-UBND	30/10/2015	8.392		9.100		9.100				UBND phường Tây Túu	
	Xây kè đá và cải tạo môi trường ao Cá, phường Tây Túu	1	Phường Tây Túu	2020-2021		145/QĐ-UBND	10/1/2019	6.800		3.000					3.000	UBND phường Tây Túu	
4	Xây dựng kè, hệ thống thoát nước, cải tạo môi trường kết hợp điểm vui chơi ao Chùa, ao Mỏ quạ, ao ông Giũa tổ dân phố Thượng Cát, phường Thượng Cát	1	Phường Thượng Cát	2016-2017	- Ao chùa 1; Ao chùa 2; Ao Chùa 3. - Ao Mỏ quạ; ao ông Giũa. - Quy mô đầu tư: Nạo vét bùn, nạo vét ao.	Số 4883/QĐ-UBND	31/10/2015	13.900		8.500	6.500	2.000				UBND phường Thượng Cát	
5	Xây dựng điểm vui chơi ngoài trời, kết hợp vườn hoa cây xanh ao ông Hời, ao bà Đồ Tô, ao ông Phụng, Ao làng tổ dân phố Thượng Cát, phường Thượng Cát	1	Phường Thượng Cát	2016-2017		Số 4884/QĐ-UBND	31/10/2015	7.120		6.700	3.500	3.200				UBND phường Thượng Cát	
6	Xây dựng hệ thống thoát nước, kết hợp điểm vui chơi ngoài trời ao mới tổ dân phố Đồng Ba, phường Thượng Cát.	1	Phường Thượng Cát	2015-2016	- Nạo vét bùn ao. - Xây dựng tường hoa; hệ thống thoát nước (1.000 m ²).	Số 4885/QĐ-UBND	31/10/2015	1.370		1.300	1.300					UBND phường Thượng Cát	
7	Xây dựng điểm vui chơi ngoài trời kết hợp vườn hoa, cây xanh ao xóm 4B (1); 4B (2) TDP Đồng Ngạc 4; ao xóm 5 TDP Đồng Ngạc 1; ao Hùng TDP Nhật Tảo 2; ao Chùa TDP Nhật Tảo 3, phường Đồng Ngạc	1	Phường Đồng Ngạc	2017-2018		Số 4785/QĐ-UBND	28/10/2015	9.943		9.950	50	9.900				UBND phường Đồng Ngạc	
8	Xây dựng kè, hệ thống thoát nước, kết hợp điểm vui chơi tổ dân phố Nhật Tảo 2, phường Đồng Ngạc	1	Phường Đồng Ngạc	2017-2018		Số 4786/QĐ-UBND	28/10/2015	900		950	50	900				UBND phường Đồng Ngạc	
	Xây dựng điểm vui chơi tổ dân phố Thượng Cát 1, phường Thượng Cát	1	Phường Thượng Cát	2019-2020		Số 9504/QĐ-UBND	27/11/2017	2.500		2.500				1.500	1.000	UBND phường Thượng Cát	
	Xây dựng điểm vui chơi tổ dân phố Hoàng 10, 11, phường Cổ Nhuế 1	1	Phường Cổ Nhuế 1	2018-2019		3799/QĐ-UBND	15/5/2017	2.619		2.600			1.000	1.600		Ban QLDA đầu tư xây dựng Quận	
	Xây dựng điểm vui chơi tổ dân phố Hoàng 9, 15, 8, 12, phường Cổ Nhuế 1	1	Phường Cổ Nhuế 2	2018-2020		3800/QĐ-UBND	15/5/2017	11.568		11.500			6.000	5.500		Ban QLDA đầu tư xây dựng Quận	
9	Xây dựng điểm vui chơi, kết hợp cải tạo môi trường hồ Minh Đường, phường Liên Mạc	1	Phường Liên Mạc	2018-2019	- Kè đá học quanh hồ, nạo vét bùn ao. - Xây dựng đường dạo, thoát nước, hệ thống cây xanh, chiếu sáng.	Số 8093/QĐ-UBND	27/10/2017	5.500		5.500				3.000	2.500	UBND phường Liên Mạc	

Page 27

TT	Tên danh mục dự án	Tổng số dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Năng lực thiết kế	Quyết định phê duyệt CTĐT hoặc dự án, BCKTKT		Tổng mức đầu tư (dự kiến hoặc đã phê duyệt)		Giai đoạn 2016 - 2020						Chủ đầu tư	Ghi chú
						Số Quyết định	Ngày, tháng năm	Tổng số	Trong đó: GPMB	Tổng số	Trong đó chia ra các năm						
											Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
10	Xây kè đá và cải tạo môi trường hồ Tân phương, phường Thụy Phương	1	Phường Thụy Phương	2019-2020	Nạo vét bùn; xây dựng kè; rãnh thoát nước; lan can bảo vệ	Số 4767/QĐ-UBND	27/10/2015	18.569		18.000				9.000	9.000	UBND phường Thụy Phương	
11	Chỉnh trang đường, kẻ sọc Bìa Đức Diên, phường Phúc Diên	1	Phường Phúc Diên	2017-2018	- Cải tạo tuyến đường phía tây sọc bìa, chiều dài khoảng 150m; B=7m. - Kẻ sọc phía tây chiều dài khoảng 150m.	Số 4735/QĐ-UBND	27/10/2015	5.127		5.150	50	5.100				UBND phường Phúc Diên	
12	Xây dựng điểm vui chơi kết hợp vườn hoa cây xanh, phường Phúc Diên	1	Phường Phúc Diên	2017-2018		Số 1307/QĐ-UBND	8/4/2015	2.965		2.950	50	2.900				UBND phường Phúc Diên	
XII	Công trình dịch vụ đô thị	0						0	0	0	0	0	0	0	0		
XIII	Công trình BTXH khác	1						14.960	0	13.410	8.000	5.410	0	0	0		
1	Nâng cấp, hoàn thiện hệ thống đài phát thanh 13 phường	1		2016-2017		Số 5069/QĐ-UBND	31/10/2015	14.960		13.410	8.000	5.410				Văn phòng HĐND - UBND Quận	
C	HỖ TRỢ NGÀNH DỤC VÀ CÁC BIA PHƯƠNG KHÓ KHĂN VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT THEO HƯỚNG DẪN CỦA THÀNH PHỐ	2						39.993	25.498	36.000	20.000	16.000	0	0	0		
1	Hỗ trợ xây dựng trụ sở làm việc công an các phường, quận Bắc Từ Liêm	1						39.993	25.498	20.000	20.000						
2	Hỗ trợ cơ sở vật chất cho các Quận, huyện khó khăn	1								16.000		16.000					
D	DỰ PHÒNG PHÍ									278.234	44.973	61.284	36.880	63.510	71.588		